NĂM THỨ BA — Số 113 Thứ năm 23 Sept. 1943

TRI TÂN

Tòa báo 95-97 — phố Chanceaulme — Hà-nội

Mục lục

* Dịch phẩm « Chinh-phụ ngâm »... Hoa-Bằng
* Bốn bà công-chúa có tiếng văn-học... Nguyễn-văn-Tố
* Bạn gái ngâm thơ Vân-Đài — Ngân-Giang Mộng-Sơn — Hương-Bình
* Ỷ-Lan phu-nhân Nhật-Nham
* Bóng người đàn bà trong văn-chương Phạm-mạnh-Phan
* Một nạn đương lưu-hành trong văn-học phụ-nữ Mộng-Sơn
* Triển-vọng của văn-học phụ-nữ hiện-tại Ái-Lang
* Hai bà Bùi-Thiếu-Xuân và Lê-Ái-Lương (I) Trịnh-như-Chất

0$30

số chuyên san về

PHỤ NỮ VĂN-HỌC VIỆT-NAM

(Tập thứ hai)

Dịch-phẩm « Chinh-phụ ngâm »

phải chăng của bà Đoàn-thị-Điểm ?

HOA-BẰNG

« *Hồn tử-sĩ gió ù-ù thổi,*
« *Mặt chinh-phu giăng dõi-dõi soi...* »

Và :

« *Trông bến nam, bãi che mặt nước,*
« *Cỏ biếc um, dâu mướt màu xanh ;*
Nhà thôn mấy xóm chông-chênh,
« *Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm...* »

Đó là mấy câu linh-động, giàu tưởng-tượng, đầy màu-sắc, trích trọng bản dịch *Chinh-phụ ngâm* bấy nay vẫn tương truyền là của bà Đoàn-thị-Điểm, hiệu Hồng-Hà nữ sử, biệt hiệu Ban-Tang, người làng Hiếu-phạm, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, sống vào khoảng những đời Đế-Duy-Phường (1729-1731), Thuần-Tông (1732—1734), Ý-Tông (1735 — 1739) và đầu đời Hiển-Tông (1740 — 1788) nhà Lê, tức vào khoảng tiền bán thế-kỷ thứ XVIII.

Nhưng dịch-phẩm ấy có quả thật là của bà Đoàn không ? Chúng ta ngày nay cần phải xét lại.

Vì muốn trả lời câu hỏi đó, nên tôi đã cố tìm suốt cả loại *Văn-tịch chí* trong bộ *Lịch triều hiến chương* xem tác-giả Phan Huy-Chú có ghi chép gì về việc ấy không, thì chỉ thấy ở *Thi văn loại* trong sách ấy, dưới chỗ « *Chinh phụ ngâm* nhất quyển, Hương-công Đặng-Trần Côn soạn », Phan Huy-Chú có thêm : « *Vì đầu đời Cảnh-hưng, việc binh-cách nổi dậy, quân-lính đi đánh và đi thú phải ly-biệt (gia-đình). Đặng-Trần-Côn cảm thời-thế mà làm ra* (cuốn Chinh phụ ngâm). *Đại lược nhặt lượm thể-tài của lối cổ-nhạc-phủ và của thơ Lý-Bạch rồi hội-hợp dung-hòa lại làm ra thành sách. Lời và ý thì lâm-ly, tuấn-nhã và kỳ-dật, rất khoái-trá cho miệng người đọc.* » Đến đó, tác-giả *Lịch triều hiến chương* dừng bút lại, không hề nói cho ta biết bản *Chinh phụ ngâm* ấy được dịch ra quốc-âm ra sao và những ai là dịch-giả nó !

Tôi lại phải khảo đến *Tang-thương ngẫu lục* của Tùng-Niên và Kính-Phủ là những người ở cuối Lê đầu Nguyễn. Thì ở truyện *Nguyễn-công Kiều á phu-nhân*, sách ấy chép như thế này, nay tôi xin dịch cả nguyên văn để các bạn tiện tham khảo :

« *Bà Đoàn thị-Điểm là vợ lẽ ông Hạo-hiên Nguyễn Kiều.*

« *Bà là em gái ông đầu xứ (tỉnh nguyên) Bắc-giang Đoàn Luân. Nổi tiếng là tay văn-học, bà thường chu-toàn với anh về việc bút nghiên, ngâm được coi như một nước địch.*

« *Có lần, bà đang trang điểm vào một buổi chiều, thì ông Đoàn Luân xuống ao giữa mặt, khẩu chiếm một câu rằng :*

« Chiếu kính họa my, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm.

照鏡畫眉一點翻成两點

« *Bà liền ứng khẩu :*

« Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

臨池玩月隻輪轉作雙輪

« *Thái-học-sinh là Đặng Trần-Côn hâm mộ danh bà, đưa bài thơ đến xin yết kiến. Bà cười mà rằng : « Cậu học trò mới học, đã thấm-thía gì ! »* (*chữ hán là* sơ học tiểu sinh vị kham tác dạng dã).

« *Ông Đặng Trần Côn phát tức, trở về lại càng cố-gắng mài-rũa, bèn trở nên một kẻ sĩ có danh.*

« *Bà kỹ tính trong việc lựa-chọn đôi-lứa, thường không ưng ý đám nào.*

« *Quá tuổi cập-kê, mới lấy ông Hạo-hiên. Trong chốn buồng the, vợ chồng kính nhau như khách. Đời bấy giờ cho là một chuyện thú-vị.*

« *Khi ông Hạo-hiên mất, những môn-nhân phần nhiều theo học bà mà được tốt nghiệp thành danh đến vài mươi người.*

« *Bà có làm tập* Tục truyền kỳ 續傳奇 *có ba truyện* Hải khẩu linh từ 海口靈祠, Vân cát thần nữ 雲葛神女 *và* An-ấp liệt nữ 安邑烈女 *lưu-hành ở đời.*

« *Cháu gái Mỗ là con ông đầu xứ, được bà yêu-dấu, gả về ông Nguyễn Xuân Huy làm đốc ở tỉnh Nam. Khi ông ấy và con ông ấy mất, bà có câu đối rằng* :

« Tuyền hạ thừa hoan, ưng tri quân hữu tử.

« Mộng trung đối thoại, thùy vi thiếp vô phu ? »

泉下承歡應知君有子
夢中對話誰謂妾無夫

« *Tuổi 70, bà thường đi lại nơi kinh-ấp, mở trường dạy học.* » *(T. T. N. L. tập trên, tờ 43 b — 44 a).*

***

Sau khi đọc hết tiểu sử bà, ta nên chú ý vào hai điểm :

1·) Việc giao-thiệp giữa bà và Đặng Trần Côn ;

2·) Việc bà trước-thuật.

Về điểm trên, tác-giả *Tang-thương ngẫu lục* chỉ cho ta biết rằng : Đặng Trần Côn là người đồng thời với bà, nhưng bà là bậc tiền bối, mà Trần là bậc hậu tiến, cho nên khi Đặng đưa đến bài thơ để xin tiến yết thì bà cho là hạng « sơ học tiểu sinh ». Nhưng giữa Đặng và bà, cái duyên văn-tự mới chỉ đến thế.

Đến truyện *Đặng quân Trần-Côn* cũng chép ở bộ *Tang-thương ngẫu lục* ấy, tác-giả lại tuyệt nhiên không đả động gì đến việc Đặng có liên-lạc với bà. Tới chỗ chép Đặng làm được cuốn *Chinh-phụ ngâm* bằng chữ hán thì *Tang-thương ngẫu lục* chỉ nói khi thấy thiên giai-tác ấy ra đời, bực túc-học như Ngô Thì Sĩ và hạng « kiêu-kỳ » như người Tàu cũng đều phải khen phục. Có thế thôi, chứ không thấy nói sau nó được ai dịch ra văn nôm gì cả.

Về điểm thứ hai, tức là chỗ chép văn nghiệp của bà Đoàn : *Tang-thương ngẫu lục* chỉ nói bà có tập *Tục truyền kỳ*, trong có ba truyện hành thế như trên đã dẫn. Ở đấy, chúng ta ngày nay còn muốn đòi hỏi một việc tối quan trọng : Tác-phẩm của bà Đoàn chỉ có thế thôi à ? Nếu quả bà có dịch phẩm *Chinh-phụ ngâm* mà *Tang-thương ngẫu lục* bỏ qua không chép đến thì Tùng-Niên và Kính-Phủ, hai vị làm chung sách ấy, thật không còn từ chối được cái lỗi khuyết-lược lớn đó !

Đã tốn bao công cố tìm lấy nguồn xuất xứ về việc bà Đoàn phải chăng là dịch-giả *Chinh phụ ngâm*, mà vẫn không ra ! Tôi đang băn-khoăn, áy-náy thì tập *Đoàn thị thực lục* bằng chữ nho lại đem đến cho tôi một tin thất vọng : Suốt tập gia-phả họ Đoàn ấy chép rất kỹ về thân-thế và văn-tài bà Thị Điểm, thế mà cũng không thấy nói bà phải chăng là chủ-nhân của một áng dịch-văn bất hủ có những câu hùng-tráng như :

« *Lòng hứa quốc thần son ngăn ngắt,*
« *Sức tý dân cứng sắt trơ trơ !* »

Và những câu trữ-tình nhẹ-nhàng uyển-chuyển như :

« *Khi mơ những tiếc khi tàn,*
« *Tỉnh trong giấc mộng muôn vàn cũng không !* »

Hoặc :

« *Hướng dương lòng thiếp như hoa,*
« *Lòng chàng lan-thần e là bóng dương !* »

Vậy, ngoài sự truyền-văn, tôi không biết các nhà cầm bút hiện đại đã căn cứ vào tài-liệu trong sử sách nào mà nói bà Đoàn Thị Điểm đã dịch *Chinh-phụ ngâm*

Phải, tôi thấy ông Dương Quảng Hàm trong *Quốc-văn trích diễm* (in lần thứ bảy, năm 1942), trang 70 : « Bà có làm ra bộ sách « *Tục truyền kỳ* » bằng chữ nho và dịch quyển « *Chinh-phụ ngâm* » nguyên văn bằng chữ nho ra quốc âm hay lắm. »

Ông Sở Cuồng trong *Nữ lưu văn học sử* (Đông-tây, Hà nội, 1929), truyện *Hồng Hà nữ sử*, trang 7 : « Văn chương của bà phần nhiều là văn chữ Hán, bà có làm tục bộ « truyền kỳ » có bốn truyện, như chuyện Liễu-hạnh-công-chúa An-ấp liệt-nữ, người thường truyền tụng. Văn quốc-âm thì chỉ thấy có bài dịch chinh-phụ ngâm đến nay hãy còn truyền tụng. »

Rồi ông Bùi-văn Lăng trong bản *Chinh phụ ngâm* dịch ra chữ pháp (Ideo., Hà nội, 1943), nơi *Lời đầu*, trang I : « Plus tard, quand Đoàn-thị Điểm eut lu le Chinh-phụ ngâm, elle s'inclina devant le talent de celui qu'elle avait méprisé et se mit à traduire ce poème marqué au coin du génie. » Và nơi trang III : « En plus de cette traduction du Chinh phụ ngâm, Đoàn thị-Điểm a écrit un recueil de contes et de nouvelles en caractère chinois, le truyền-kỳ tân phả, ouvrage qui obtint un succès sans précédent. »

Và vân vân...

Nếu các tác giả trên đây chỉ dựa vào truyền văn mà nói bà Đoàn là dịch giả *Chinh phụ ngâm* thì không ke, nhược bằng theo đúng

(*Xem tiếp trang 14*)

BỐN BÀ CÔNG CHÚA CÓ TIẾNG VĂN-HỌC

Ứng-hòe NGUYỄN-VAN-TỐ

Tôi đã lấy bộ Đại-Nam liệt truyện *ra dịch tiểu-sử bốn bà công-chúa học rộng văn hay, sắp-sửa gửi đến nhà báo, thì nhận được số chuyên-san (tập nhất), trong có bài* Ba nữ-sĩ con vua Minh-mệnh *của ông Trúc-khê cũng tóm-tắt như cuốn* Nữ lưu văn học sử *của cụ Sở cuồng.*

Tôi thiết nghĩ đối với những bậc văn-học đã nổi tiếng và đã chép trong các sách chữ nho, nên dịch cho đủ, cho đúng, thì người xem mới biết rõ sự-nghiệp và hiểu thấu các chi-tiết; nếu rút ngắn lại e rằng làm mờ mất cái hình trạng của người xưa.

Nhưng bài ông Trúc-khê cốt dịch văn nho, thì lược qua tiểu-sử là phải; còn như bài này cốt chép tiểu-sử, nên tôi để nguyên và đăng lên đây, góp thêm tài-liệu vào lịch-sử văn-học phụ-nữ nước ta, chứ không trùng-kiến với ai.

***

Nam mươi năm về trước nữ-giới nước ta cũng như nam-giới, thích làm văn thơ bằng chữ nho; như bà lễ-tân Nguyễn-nhược thị-Bích, không phải chỉ làm có bài *Hạnh Thục ca* (đã nói kỳ trước), lại còn làm cả những bài thơ chữ, như bài « Lại cử hành tế giao »: vợ vua Tự-đức (Lệ-thiên thái-hoàng thái-hậu) đã khen là « giai tác », có truyền bà chúa tư (An-thường công-chúa) họa vần để làm một « vận-sự » (việc tốt) ở chốn cung-vi (chép ở *Đại-Nam chính-biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 9, tờ 7 a).

Cứ thực ra thì những bài văn thơ bằng chữ nho không gọi là « quốc-văn » được; nhưng cái mầm chữ nho đã ăn sâu vào trí-não người Nam từ mấy nghìn năm rồi, cho nên người nước ta đã quen gọi và quen dùng chữ nho là « chữ ta », đến nỗi tên làng, tên xóm, tên núi, tên sông, cả đến tên người, cũng tìm chữ nho nào nghĩa hay mới đặt; hiện giờ chữ quốc-ngữ đã thông-dụng như thế, mà những quyển sổ tạp-chi của mấy xóm nhà quê, vẫn còn chép bằng chữ nho!...

Vả lại, số chuyên-san này chỉ nói về văn phụ-nữ, không nói là văn chữ hay văn nôm, cho nên tôi lấy một vài tiểu-sử trong *Đại-Nam liệt truyện* dịch ra đây, để những người không đọc được chữ nho cũng biết được cái trình-độ văn-học nữ-lưu của nước ta vào khoảng ngót một trăm năm nay ra thế nào.

Bốn chuyện chép dưới này đều nói về con gái vua Minh-mạng (1820-1840): bà An-thường thì chưa ai dịch ra quốc-ngữ, còn bà Nguyệt-đình, bà Thường-sơn và bà Diệu-liên, thì cụ Sở cuồng đã chép trong *Nữ lưu văn học sử*, nhưng sơ lược quá, nên tôi thuật lý ra đây để thêm vào việc khảo-cứu.

Không cứ gì văn-học, đến đức-hạnh sử chữ nho cũng chép: bà An-thường thờ mẹ chồng nuôi con, thuộc được những đức-tính cần có ở chốn khuê-môn (sự cô giáo tử, khuê đức khắc nhân), bà Nguyệt-đình là người nhún-nhường giữ phép, không thích xa-xỉ (khiêm ức tự thủ, bất thượng xỉ mĩ), bà Diệu-liên không ỷ mình là phú-quí, có phong-độ nhà nho (vô phú-qui khí, hữu nho tố phong: lời tựa ở tập *Diệu-liên*), còn đến bà Thường-sơn thì khi ở trong cung, học được điều gì đều đem dạy người, khi đã vu qui, cùng chồng tiếng sắt tiếng cầm êm-đềm tốt đẹp (hữu sở đắc, chiếp dĩ giáo nhân; vu qui hậu, dữ Cát sắt cầm tình hảo). Xem như thế, cũng đủ biết cách dạy-dỗ công-chúa ở chốn cung-vi không khác gì thường-dân, cũng tứ đức, cũng tam tòng; có khác chăng nữa là chỉ khác ở chỗ được người dạy để gây nên tài đức.

Các bà đã biết nữ-công, biết tiết-kiệm, biết đạo làm vợ, làm mẹ lại chịu khó luyện-tập, — giá tin số-học, thì đã bảo thật đúng với câu của một ông quan Tàu viết ở đầu bài tựa *Diệu-liên thi tập* rằng: « Li vi trung nữ, văn-minh thực chủ ư Nam-thiên », nghĩa là quẻ li là trung nữ, văn-minh thực chủ ở giời Nam. Lại một người Tàu nữa có câu thơ rằng: « Do lai gián khí chung cân-quắc, kiều thủ thiên Nam lệ nữ-tinh », nghĩa là xưa nay khí vân gián-thế của giời đất chung-đúc ở bọn cân-quắc, ngẩng đầu lên giời Nam thấy sao nữ-tinh tốt đẹp. Chính những bậc

danh-nhân ở nước gốc văn nho mà còn có những câu khen người đàn-bà nước Nam như thế; nên tôi thiết-nghĩ rằng tuy không phải là quốc-văn, nhưng cũng nên chép để kỷ-niệm một thời văn-học nước nhà.

Sở-dĩ thuật chuyện bốn bà công-chúa là vì có sẵn tài-liệu, chứ không phải thiên về bên nào. Thực ra tôi cũng được nghe nhiều chuyện nữ-lưu có học-lực khác thường, viết những bài người ta còn truyền tụng, nhưng vì chưa lấy gì làm chắc nên chưa dám chép. Nay chỉ chép những tài-liệu chữ nho như sau này.

***

Công-chúa An-thường là con gái thứ tư vua Minh-mạng. Mẹ họ Nguyễn, được phong mỹ-nhân, là chị cùng mẹ với ông hoàng chín Hàm-thuận-công Miên-thủ. Công-chúa sinh mùa hạ năm Gia-long thứ 16 (1817), trước đặt tên là Tam-xuân, sau đặt tên là Lương-đức, người thông-minh, có tính chí-hiếu, vua rất yêu; năm chín tuổi, sinh-mẫu bị bệnh, gặp tiết vạn-thọ, các hoàng-nữ được hầu cơm, lúc bấy giờ có đại-quan đặng sâm, vua chia cho các hoàng-nữ ăn; đến lượt bà công-chúa, ngậm không nuốt, vua lấy làm lạ mới hỏi, bà đứng ra chiếu khác thưa rằng: « Mẹ tôi có bệnh, không được đội ơn, trộm nghe vị này rất bổ, nên tôi đem về để đưa mẹ tôi ». Vua khen lắm, cho riêng một khay nhỏ, sai đưa về cho mẹ: các người tả hữu đều khen, có người trông thấy động lòng rỏ nước mắt.

Khi công-chúa hơi lớn, cho ở điện Trinh-minh, sai nữ-quan dạy *Tứ thư*, chư sử và nữ-công, đều được thiệp-liệp. Mùa hạ năm Minh-mạng thứ chín (1828) có một đêm về tháng tư, những cung-ủ điện Trinh-minh giữ lửa bất cẩn, cháy lên mạn, bà sực mình tỉnh dậy, gọi ngay những người ở ban trực đến, chính bà đốc thúc cứu được khỏi cháy. Lúc bấy giờ vua Minh-mạng đi Thuận-an; khi về nghe chuyện rất khen, cho ba lạng vàng. Thọ-xuân vương tên là Miên-định, con thứ ba vua Minh-mạng, thường làm bài cung-từ, có câu rằng: « Vương-cơ hốt tác phi lai trĩ, bác đắc An-thường mãn chục kim », nghĩa là các vương-cơ chợt làm như chim trĩ bay lại, mong được như bà chúa An-thường đầy túi vàng: ấy chính là nói về chỗ này.

Năm Minh-mạng thứ 15 (1834) vua đi tuần phương nam, sai bà ở nhà hầu Từ-thọ cung (mẹ vua Minh-mạng): bà chúa sớm tối vào hầu, sắc mặt tươi cười, rất được Từ-cung vui vẻ, thường đòi đến hầu cho vui. Đến khi vua hồi loan, thưởng cho tấm bài bằng bạch-ngọc có cả dây đeo.

Mùa đông năm Minh-mạng thứ 18 (1837), gặp tang mẹ, bà thương xót, không trang-sức, làm đủ lễ. Năm Minh-mạng thứ 21 (1840) vua Minh-mạng yếu, bà chúa thân hành nấu cháo, sắc thuốc để tiến, sớm tối hầu-hạ không mỏi. Đến ngày vua thang-hà, bà đau thương đến nỗi bất tỉnh nhân sự: vua Thiệu-trị từng ban cho cháo ngự và an-ủi. Bà lại thỉnh-thoảng vào hầu Từ-cung, vấn an. Khi ninh lăng, bà được theo hầu bên ghế chiếu, chọn ba năm cư tang, chưa ai thấy bà cười bao giờ.

Năm Thiệu-trị thứ nhất (1841) vua ban cho hai bộ sách: *Tiền-biên thực lục* và *Tư-trị thông-giám*.

Bà hạ giá lấy Phan-văn-Oánh là con thứ tư Phan-văn-Thúy, chức đô thống phủ chưởng phủ-sự, tước Chương-nghĩa hầu, người huyện Thuận-xương, tỉnh Quảng-trị. Sau khi về nhà chồng, tình lứa đôi càng thân-mật, không cậy mình là vương cơ, thờ mẹ chồng dạy con, rất quen đức-hạnh chốn khuê môn.

Năm Tự-đức thứ nhất (1848) tấn phong làm An-thường công-chúa. Năm Tự-đức thứ 15 (1862) phò-mã mất. Bà dâng sớ xin làm sinh-phần để ngày sau hợp táng. Mùa hạ năm Tự-đức thứ 19 (1866) bà làm thọ 50, vua sai hoàng thân cùng thái giám đem dụ chỉ và phẩm nghi ban cho để mừng bà. Năm Tự-đức thứ 31 (1878) vua nghĩ tuổi bà hơi cao, lại sai bảo được các công chúa hầu Từ cung nên thưởng cho mỗi năm 100 quan tiền và 50 phương gạo để thêm vào sự ăn dùng.

Ngày tháng 5 mùa hạ năm Hàm nghi thứ nhất (1885) bà vào trực ở điện Hiếu tư, chợt nghe có biến, lạy khóc đi ra. Đến Hiếu lăng thì quân canh-giữ đã tản-mát đi hết vào thấy trong miếu đồ đạc bừa bãi, bà khóc òa lên, rồi ở lại giữ không đi. Đến khi ba cung hồi loan, bà tới hầu bên tả hữu. Năm ấy sau khi vua Đồng-khánh lên ngôi (20 septembre 1885), bà mới về phủ (nhà riêng của công chúa), thường được Từ-cung khen ngợi, ban cho rất hậu.

(*Xem tiếp trang 8*)

Bạn gái ngâm thơ

Thuyền đi

Gió lên không định giờ đi ;
Thuyền trôi ai dễ hẹn kỳ trùng lai !
Mây chờ ngừng bến xa-xôi
Nhớ thương đọng lại muôn đời quán không.

Thuyền đi, sông nước ngại ngùng,
Bờ xanh xanh vẫn ngóng trông tháng ngày,

Giang-lang cách trở đâu đây,
Nghe đêm vượn hót, nghe ngấy chim kêu.

Bà VÂN-ĐÀI
(Một sáng cát-bà)

Ngày xưa

Ngày xưa có một người thơ,
Vào rừng thông lạnh đợi-chờ gió reo.
Chim hôm loáng-thoáng qua đèo,
Cảnh chiều buông tiếng chuông chiều ngân-nga...

NGÂN-GIANG

Một sớm

Một sớm hương xuân tỏa sưối hoa,
Giáng-Tiên xách lãng nhẹ-nhàng ra.
Trong sương xiêm áo nàng tha-thướt,
Nắng mới dần buông dải núi xa...

NGÂN GIANG

Lá thu

(Tặng hương-hồn em chồng tôi)

Vừa biệt-ly em được mấy ngày,
Đâu ngờ vĩnh biệt đã hôm nay.
Chia tay em vẫn cười trong mộng,
Mộng giả hay là mộng thực đây ?

Bến Hồ (1) phẳng-phất giấc hòm mai,
Bỗng được tin em lạnh toát người.
Vừa mới ngày nào em với chị,
Mà nay thiên-cổ chép tên ai.

***

Em ơi ! mù-mịt giời mưa gió,
Thương em, bối-rối, chị trông giời.
Áo gió lá trút rừng thu quạnh,
Em đâu ? Em đâu ? Em đâu rồi ?

***

Mẹ già lã-chã lệ khôn cầm,
Nhắc lại chuyện trước ba mươi năm,
Ngày ấy chưa làm dâu họ Nguyễn,
Chị nghe, thổn-thức nỗi thương tâm...

***

Quên nhà, bác vội bước chân ra,
Đem mình chống với trận phong-ba.
Ầm-ầm sóng gió thuyền nan giạt,
Cửa bể chiều hôm, bóng ác tà..

***

Bể hoạn lánh xa, cha đứng dậy,
Tấm thân hồ-hải từ năm ấy,
Ném bút ra đi, ngày lại ngày,
Cùng ai xông vào cơn lửa cháy.

***

Bác một lòng, cha cũng một lòng,
Tháng ngày những đợi nước sông trong
Nghiệp hết, nhà tan, người mỗi ngã,
Thu sầu, cảnh vắng, gió mênh mông.

Anh đi, lòng vướng nợ giang-hồ,
Đã mấy thu rồi lại mấy thu.
Em vẫn ở nhà nuôi được mẹ,
Nhà nay lạnh-lẽo bóng giăng xưa !

***

Nhớ đêm chuông báo giờ thề tuyệt,
Tóc mẹ, em ngờ mây núi tuyết.
Khóc rằng : « mẹ còn sống bao năm,
Mà lúc này thương con vĩnh-biệt ! »

***

Nhưng, gượng cười, mẹ nhủ em ngay :
« Từ con xuất-giá đến hôm nay,
« Nhà gianh, ngõ trúc, nền xưa vững,
« Tình hiếu hai vai một gánh đầy. »

***

Bẩy năm xuất-giá : xuân như mộng !
Một phút từ trần : sắc hóa không !
Họ Trần mất một nàng dâu thứ,
Giang sơn trơ lại chiếc mui bồng.

***

Đêm thâu chị ngắm chòm sao lạn,
Đèn lụt, canh tàn, ngồi tựa án.
Nhặt thưa đom-đóm soi mờ-mờ,
Hồn em về chăng, bay tản-mạn.

***

Mưa lá hiên ngoài lả tả rơi,
Nghe mưa, chị cất tiếng kêu ; « Giời ! »
Giời đâu ? Giời đâu ? — Giời im lặng !
Gió lên. Lá bay ào ! Em ơi !

Rừng khuya hiu hắt gió rung cây,
Lá rụng, sương đêm rụng-rụng đầy.
Ruột chị, phương giời, thôi, muốn đứt,
Đường về Kinh bắc (2) . tít chân mây.

***

Những buổi qui-ninh, tuần bát-tiết,
Những ngày kị lạp, tháng xuân-thiên.
Mơ-màng, chị dòn người xa lại,
Chỉ thấy đêm về ! Đâu, bóng em ?

***

Nước reo sông Nguyệt (3) tuôn hàng lệ !
Đá chất non Yên (4) ngậm khối sầu !
Em hỡi thu về, mưa gió thế ?
Tìm em trong mộng, biết tìm đâu !

MỘNG SƠN

1) Bến đò Hồ (Bắc-ninh)
2) Tên cũ tỉnh Bắc-ninh.
3) Sông Nguyệt Đức (Bắc-ninh).
4) Núi Yên-sơn (Bắc ninh).

Bâng-khuâng

Bâng-khuâng mây vẫn đầy chiều,
Bâng khuâng lòng nghĩ những điều vu-vơ..
Lòng chiều có những giây tơ
Êm-đềm kết những ước mơ êm đềm.
Bạn-ơi ! hãy cuốn cao rèm,
Mở lòng hứng lấy nguồn êm vào hồn
Và nghe lơ-lửng trên cồn
Tiếu ai réo-rắt dâng buồn lên cao
Bạn ơi ! lòng có nao-nao
Va đang nhẻ-nhẹ lên cao theo buồn ?

Bà LƯU-VĂN LỢI

Bốn bà công chúa

(*Tiếp theo trang 5*)

Mùa xuân năm Thành thái thứ ba (1891) bà vào hầu bà Lệ-thiên thái-hoàng thái-hậu, đức thái-hoàng thái-hậu diện dụ rằng: « Gần đây bà lễ-tân họ Nguyễn (tức là bà Nguyễn-nhược thị-Bích, tác-giả bài *Hạnh Thục ca* có làm bài *Phục cử Giao-tự đại lễ* (lại cử hành lễ Giao), van hay lắm », bảo bà họa vần để làm một việc tốt trong chỗ cung-vi. Bà vâng ý-chỉ, họa vần làm thành thơ dâng lên, có câu: « Hưởng Đế, ngô hoàng tuân cổ-chế, phối thiên liệt thánh hữu thành qui », nghĩa là tế thần trời, vua ta theo phép cổ, được sánh với trời, các vua đời trước đã có nếp sẵn. Đến câu kết rằng: « Hà hạnh vi-thần bồi mật nhĩ, mộ niên trùng đồ Hán uy-nghi », nghĩa là may sao kẻ vi-thần được hầu gần, khi tuổi già lại được thấy uy-nghi nhà Hán. Từ-cung khen rằng: « Quí-nhân và công-chúa đều cùng một ý-kiến, chung sự vui buồn, mà cảm-hứng ra thì ca: cả bài trang-nhã, câu ba, bốn tả được thiết thực, câu kết càng hay ».

Bà An thường là người ham Thiền, mến Phật, biệt-hiệu là Thanh-từ. Lúc bấy giờ phủ Tôn-nhơn xin tình thưởng cho bà bốn chữ « Hiếu hạnh khả phong »: các quan bàn rằng: « Chỗ nhà vua là đầu phong-hóa, không thể ví như bình-dân được », rồi thôi.

Mùa hạ tháng tư năm Thành thái thứ ba (1891), bà mất, thọ 75 tuổi, tên thụy là Mỹ-Thục, được lễ tuất và dụ tế rất hậu. Bà có bốn con, bốn cháu, nam chắt. Con lớn là Huy, được ấm thọ, chức hiệu-úy.

Tuy-lý-vương có làm bài tán để tiểu-ảnh công-chúa như sau này: « Y dư ngã tỉ, nhu gia uyên tắc, quan bị kỳ kỷ, ngôn bất xuất quắc, vương-cơ tôn qui, cần-kiệm khiêm-ức, thất giới túc nhân, tam tòng duy tắc, hữu tử khắc hiếu, hữu tôn thị trắc, phúc thọ vị ngải, khang ninh hiếu đức, ô mục hoàng phong, tự gia nhi quốc, tứ phương quan cảm, đồng sử thị thức ». Nghĩa là: « Tốt thay! chị ta là người ăn nói nhu-mì, tính nết tốt nghĩ ngợi thành-thực, mũ áo chững chạc, lời nói không ra khỏi cửa. Vương-cơ là bậc tôn-qui, biết cần kiệm khiêm-ức, bảy điều răn đã quen, ba chữ tòng là phép, có con được hiếu, có cháu hầu bên cạnh, phúc thọ chưa hết, khang ninh đức tốt. Ô! phong-hóa nhà vua, từ nhà rồi ra đến nước bốn phương xem đến cảm hóa, là khuôn-mẫu ở nơi đồng-sử. »

Đọc bài tán ấy cũng như bài kỷ-thực (chép trong *Đại-Nam chính-biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 9, tờ 4 b-8 a).

***

Qui-đức công-chúa Vĩnh-trinh, biệt-hiệu Nguyệt-đình, là con gái thứ 18 vua Minh-mạng, và em cùng mẹ với Tòng-thiện quận-vương Miên-thẩm. Sinh năm Minh mạng thứ 5 (1824).

Người thông-minh nhanh-nhẹn, tính rất thuần nhất. Bắt đầu theo học nữ sử ở trong cung, đến khi lớn, hay ngâm vịnh. Anh là Miên thẩm dạy luật thơ Đường bà đều thiệp-hiệp.

Năm Tự-đức thứ ba (1850) bà gả lấy phò-mã đô-úy Phạm-Thuật. Thuật - tên tự là Kế-chi, hiệu Tiêu-lâm, người Tân-hòa (Gia - định), con quan cố - mệnh hương-thần cần chánh điện đại-học-sĩ thái phò Đức - quốc - công tên Hưng, là em út Lệ - thiên chương hoàng-hậu.

Chúa sinh ở chốn thiên-gia, lấy chồng nhà thích-lý, mà vẫn giữ khiêm tốn, chưa từng sa-sỉ khoe-khoang. Bà chỉ ham ưa đồ thư và chư sử. Sau khi lấy chồng, cùng xướng họa, thường thường có giai tác, được các tước vương khen ngợi.

Năm Tự-đức thứ 14 (1861, kỳ trước, in nhầm ở trang 8 là năm Minh - mạng thứ 14, 1833) Nam-châu có việc. Phan-Thuật vâng mật-chiếu vào Gia-định phòng sát, mất trong khi đi việc quan. Tin buồn đến nơi, vua rất thương tiếc, truy-tặng làm quang - lộc tự-khanh: chiếu theo hàm truy-tặng cấp cho tiền tuất, lại cho thêm các hạng lụa, sai quan thái-giám tuyên sắc và hỏi công chúa muốn quan-cữu phò-mã về ngay hay đợi khi xong việc chở thuyền về kinh, hoặc cứ đưa về Gia-định an táng, cho tâu rõ thực-tình. Công-chúa bèn dâng biểu xin cho trạm đưa về kinh-ngụ.

Bài biểu nguyên văn bằng chữ nho, tạm dịch như sau này:

« Lang - quân tôi, thẳng trước vâng mật-chiếu, ở chốn cấm-môn, tới nơi biên cảnh, thơ hoàng - ba dò hỏi, thương về việc nước lúc rối ren, chốn lữ-khách dần-dà, mất ở trong khi làm phận-sự; chọn tiết làm tôi, không dài tuổi thọ. Chợt nghe tin dữ, huyền-minh cầm việc quan (1), đâu dám lánh nàn, việt-cơ là nghĩa tử (2), tôi đã chẳng được hầu Tử-Xa để dưỡng bịnh (3), lại chẳng nghĩ làm Kiêm-

lâu mà chủ tang, đáng tội gì thay! Có thể nhẫn được, chỉ có thể cất thoa, bỏ phấn, đành là mang tiếng suốt đời, giây đứt gương tan, gượng ngậm hờn ở giữa đường mà thôi. Nhưng mà chàng ở chi hữu kết hôn yêm - chệ để làm bóng mà thiếp ở. Hà dương giải nỗi khóc than, tay cầm ngọc-quyết (4); xót thảm liền cảnh, khi mộ vân, khi xuân thụ; xa trông nghìn dặm, nào linh cữu, nào xuyền xa, mẹ già tóc bạc khóc ra hồng, con nhỏ lòng son rây áo trắng, giả như những khách qua đường, còn vì thương xót, trừ không phải thân gỗ đá, sao đợi được lâu. Rất sợ như bóng mặt trời tàn, cây nấm úa, như cỏ non yếu đuối, bóng trần lung lay, chợt gặp nhau ở chốn minh minh, bèn hỏi rõ từng lúc, trách lấy nghĩa phu-phụ, lấy tình tử sinh, thì tôi lấy gì mà nói lại với người dưới toà-đài, cho khỏi phụ cái công dạy giỗ ở chốn công cung, tôi đã nghĩ đi nghĩ lại, thì an táng ở Phú xuân là hơn. Nay đã vâng sắc-mạng ở đại trung suy ra lòng xích-tử, nhưng theo người con gái dậy bầu ở bến sông Lại thì còn kém xa (5).

« Cúi xin nghĩ đến việc ngu-thần thờ nước, xét đến lòng ly-phụ cầu ai, mong được khinh quan (6), chớ nên chuyên đạo (7), cho chuyển cữu như chuyện Tử-Cư, xin phù tang như Viên-Thị (8), lần qua quan-ải núi rừng, chẳng ngại sóng to gió lớn, thực là nhà vua hậu tử, không phải thần thiếp dám mong, tôi xin tự-xuất 120 lạng bạc để chia cho những trạm phu hộ tống, nếu được đội ơn nhà vua xét tôi không những làm con chim ngậm đá, lấp bể đông khi sóng gió, lại xin làm người kết cỏ, buộc quân địch ở chốn cung gương

Vua xem biểu thấy tình-từ ai thiết, chuẩn cho, ban chiếu cấp cho phủ trạm đưa quan - tài về kinh. Ngày hôm an-táng sai quan đến tế, công chúa lại xin tự làm ra một cái sinh-phần ở cạnh mả ông Tuật để ở. Từ bấy giờ thề với trong tâm, khóc đến ra máu, một mình ở chốn cô - phòng, không ra khỏi cửa, hầu hơn mười năm, người ta khen là khổ tiết.

Năm Tự-đức thứ 22 (1869) phong làm qui-đức công-chúa. Năm Thành - thái thứ tư (1892) công chúa mất, thọ 69 tuổi, tên là thụy Cung-thục.

Công-chúa có tập thơ *Nguyệt-đình thi - thảo*. Công - chúa là người trinh-tĩnh, xuất tự thiên-tính, được sự giáo - huấn trong cung khổn và các ông anh; việc làm trước sau đều theo lẽ chính, cho nên trong bài tựa tập thơ, Tuy-lý quận-vương Miên-Trình có câu: « Phát ra ở tình, dừng ở lễ nghĩa, cũng như thơ Hà-quảng thơ Tái-trì ở *Vệ phong*. »

Công-chúa có một con gái tên là Uyển-la mất sớm, trước nuôi cháu chồng là Đang-Tiến làm thừa tự. Sau vì Đăng-Tiến là người du-đãng, công chúa mới làm một từ đường ở trước mộ chồng và đặt riêng tự-điền làm hương-hỏa (chép trong *Đại-Nam liệt truyện* nhị tập, quyển 9, tờ 13 a 16 b).

***

Diệu liên công-chúa là con gái thứ 25 vua Minh mạng, tên là Trinh-Thận, tên tự là Thúc-khanh, một tên tự nữa là Nữ-chi, hiệu là Mai-am. Bà cùng chị là Qui-đức công-chúa (con gái thứ 18 vua Minh-mạng), tự là Trọng-khanh, em là Thuận-lễ công-chúa (con gái thứ 31 vua Minh-mạng) tự là Qui khanh, 3 bà chúa đều thụ nghiệp ở ông anh là Thương sơn (Tòng - thiện quận vương Miên-Thẩm). Lúc bấy giờ nổi tiếng tam khanh ở kinh-thành. Nhưng Thúc khanh tức Diệu-liên xuất sắc hơn cả.

Bà lấy hiệu úy Thân-trọng-Di. Hai ông bà như sắt cầm hợp vận, người trong nước ai ai cũng khen là phú tuệ gồm cho.

Tác-phẩm của công chúa chép lại ở *Diệu-liên thi tập*, có bản in, sáu ông đề tựa, đề từ và bạt hậu, đều là những bậc đại gia khoa bảng nổi tiếng đương thời.

Duy có lạ một đều là tập *Diệu liên* này không những là người nước ta khen hay, cả đến người Tàu xem đều cũng thán phục, cho nên có sáu người Tàu đề tựa. Trong sáu người lấy có một người đàn bà; mỗi người làm một lời vàng: người thì làm thơ tứ tuyệt người thì viết đối nhau như lời phú.

Có câu đề tựa rằng: « Lời thơ trong-trẻo mà có mầu, đẹp đẽ mà có phép; những bài trảng-thiên, không bài nào là không khéo; những câu đoản ngâm, không câu nào là không hay ».

Lại câu này: « Một tập văn thơ lời như châu ngọc vượt qua bể sang Tàu, mở xem trong quyển tập thấy ánh sáng của Vụ-tinh ngậm ở trong ấy. »

Còn nhiều câu khen bà Diệu liên để lại cái đức sáng ở chốn khuê vi nữ-sử và nói cái đức-hạnh của bà có thể làm gương ở chốn cung-đình.

(Xem tiếp trang 20)

Ỷ-LAN PHU-NHÂN

NHẬT-NHAM

Y-Lan phu-nhân, hủy là Yến-cô-nương, tục-danh là cô Cám, là một thôn-nữ làng Thổ-lỗi (sau đổi là Siêu-loại rồi lại đổi là Thuận-quang, nay thuộc tổng Dương-quang phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh).

Sinh trưởng dưới triều Lý(1010-1224), Ỷ-Lan phu nhân là một vị nữ-kiệt nổi tiếng trên lịch-sử Việt-nam. Sự-nghiệp của Y-Lan phu-nhân còn rõ ràng trong chính-sử, trong sách *Thiền uyển tập anh*, trong thần-tích các làng vùng Siêu-loại (Bắc-ninh).

Tuy xuất-thân tại nơi đồng ruộng, tuy sinh giữa một thời-đại chưa có trường nữ-học để nữ-giới luyện-tập văn bài, mở mang trí-tuệ, nhưng Y-Lan phu nhân nhờ giáo-dục trong gia-đình, nhờ cô, gì, bác, mẹ truyền-khẩu, đậy học thuộc lòng những thiên Nữ-huấn, Nữ-tắc; lại nhờ có ảnh-hưởng tốt trong xóm, ngoài làng do những đức hay hết đẹp của các hiền-phụ, hiền-mẫu làm gương, làm mẫu cho, nên phu-nhân sớm đã tạo được bái đức đoan-trang, gấy được cái nữ-công khôn khéo, nuôi được cái tính tốt nhân-từ, bố-thí, tập được cất thói hay trọng nghĩa khinh tài.

Khi còn ở nhà, cha già, mẹ yêu, ngon ngọt phụng thờ, trong họ ngoài làng, thuận-hòa êm ấm, nên thời bấy giờ ai cũng trọng về đức-hạnh, mến vì sắc-tài. Cái phẩm cao, hạnh quý ấy đã hun đúc Y-Lan phu nhân sau hãy thành một đấng hiền-thê, một vị từ-mẫu, đã từng phen thủy liêm thính-chính, công nghiệp lẫy lừng còn ghi trong sử sách.

Thời bấy giờ, vua Lý Thánh-Tôn (1054-1072) đã 40 tuổi mà chưa có con để nối ngôi. Vua lấy làm lo cho xã-tắc, bèn thân-hành đi cầu tự các chùa có danh tiếng. Đi đến đâu, dân địa-phương cũng mở hội để nghênh giá. Một ngày kia, Hoàng-đế ngự-giá về lễ tại chùa làng Thổ-lỗi và cho phép dân-chúng được tự-do chiêm ngưỡng long-nhan. Dân làng, già, trẻ, nhớn, bé, trai, gái, nô nức, kéo nhau tới xem rất đông. Trong khi đoàn ngự chầy qua, một người con gái cứ bình-tĩnh hái dâu, đứng dựa vào bụi cỏ lan, bình như không quan-tâm đến việc hiện xảy ra quanh mình.

Từ xa, vua Lý-Thánh-Tôn đã trông thấy ở dưới ruộng dâu, người thôn-nữ không tuân vương-mệnh, không đi xem hội, lại đi hái dâu trong khi ngự-giá về lễ chùa làng.

Thấy vậy, ngài bèn cho đòi người thôn-nữ hái dâu ấy tới trước long nhan xét hỏi.

Thiếu-nữ tuân-lệnh tới bệ kiến. Vua thấy người tuy ăn mặc quê mùa, nhưng sắc đẹp như hoa cười, cử-chỉ đoan-trang nổi năng phong-nhã, tấu đối phân minh, ngoài mặt đầy vẻ từ-bi, trong lòng chứa chan lễ nghĩa. Tư-tưởng và cử-chỉ thiếu-nữ khác hẳn người thường. Vua mến vì sắc, trọng vì lòng nhân-hiếu, nên cho thiếu-nữ theo long-giá vào cung. Thiếu-nữ ấy là Yến-cô-nương có đem theo hai tên thị-tỳ là Ti-Nam và Ti-Thảo từ nhà vào cung để hầu-hạ.

Vua cử một vị nữ-giáo-sư ngày ngày vào cung Ỷ-Lan để dạy Yến-cô-nương học-tập.

Cung Ỷ-Lan là một nơi nhã-thú thanh-cao, nên thơ, nên họa, trong số các cung-điện nhà Lý. Kiến-trúc rất khéo, cảnh-trí chung quanh rất đẹp, vừa giản-dị, vừa tự-nhiên, đã có thiên-công lại thêm nhân-xảo, thực là một tòa nhà vô cùng mỹ-lệ. Giữa khoảng đất rộng, nổi một cái đài cao, 4 mặt có hiên, có lan-can, có bực lên xuống. Đài đã cao, trên lại có lầu. Hai mặt đông tây đài, có nhà giải-vũ để các văn-nhân, học-sĩ hay nhạc công túc-trực. Bốn mặt đài trồng hoa và cổ-thụ. Mặt nam, có hồ sen to rộng; trên bờ hồ, có dương-liễu cành lá thướt tha. Chung quanh ngoài, vây tường hoa thủng và thấp ngang mặt người. Phía tây-bắc là vườn Thượng-uyển. Đông-bắc cách hoàng thành là hồ Tây.

Từ khi có cung Ỷ-Lan, tiếng bình văn, đọc sách, tiếng âm nhạc họa vần không mấy lúc ngớt.

Nhưng trong vòng hai năm trời, vua Lý-Thánh-Tôn bận việc quốc-phòng, khi thì thân-chinh tiễu giặc, khi thì đi duyệt võ, khi thì tuần-thú phương nam, nên vua không được nhàn rảnh để ngự tới cung Ỷ-Lan mà hưởng cái thú thanh-cao bình văn, tấu nhạc.

Vì vậy, trong khí ấy, trong thành, ngoài nội vắng tiếng bình văn của các nhà học-sĩ hay tiếng

ngọc-địch của cung-nữ từ lầu Ỷ-lan vọng xuống.

Ngoài vài mụ cung-nhân già yếu, vài tên thị-vệ canh phòng tưới hoa, quét rác cung Ỷ-Lan thực là tịch-mịch thanh u.

Đương lúc cung Ỷ-Lan vắng tiếng tơ, tiếng trúc, tiếng giảng đọc ngâm nga, thì một ngày kia, sau khi vua Lý-Thánh-Tôn đi chầy hội chùa Thổ-lỗi, trong cung Ỷ-Lan lại hiện ra một quang-cảnh hoạt-động khi xưa.

Một vị nữ-giáo-sư đứng tuổi mỗi ngày từ sáng sớm đi võng vào đến cửa cung, rồi xuống võng đi một mình vào nhà tây-vu, giảng dậy cho Yến-cô-nương học đọc, học viết, học làm văn, làm bài, làm thơ, làm câu đối, đến tối mới về.

Luôn bên mình có hài thị-nữ săn sóc hầu hạ, Yến-cô-nương suốt ngày đọc bài, kể sách, tập viết, trong nhà Tây-vu. Chỉ trừ sáng và chiều, cô mới ra ngoài đứng tựa hiên trông mây, hóng mát, hoặc thướt tha dưới dặng liễu hay trên bờ hồ sen để ngắm nước xem hoa.

Thông minh vốn sẵn tư trời, Yến-cô-nương học tất chóng, chẳng bao lâu kinh sử lẫu thông văn-chương quán-triệt.

Vua thấy vậy, đem lòng sủng-ái, mới nạp làm cung-phi, phong làm Y-Lan phu-nhân là lấy tên cung Y-Lan, nơi phu nhân luyện-tập văn bài khi mới theo vua Lý-Thánh-Tôn về kinh, lại có ý là người con gái đứng dựa bụi lan.

Được ít lâu, phu-nhân có thai, rồi sinh ra Hoàng-tử đặt tên là Càn-Đức. Từ đó, phu-nhân được phong là Nguyên-phi.

Thông chế Pétain đã nói :

« Không biết nhập bọn, không có óc đoàn thể cần nhắt cho mọi việc hợp tác, thì chẳng gọi là phụng sự, là thuận mệnh làm người ».

Năm Kỷ-dậu (1069), vua Lý-Thánh-Tôn ngự giá đi đánh Chiêm-thành. Trong khi ngài viễn-chinh, nguyên-phi nhân-ái, đảm-đang, cáng-đáng mọi việc, trị nước rất có kỷ-cương, khiến trên từ quan, dưới đến dân-chúng đều phải thần-phục, trong cảnh thăng bình.

Vua Lý-Thánh-Tôn đánh trận đầu không thành công, bèn rút quân về. Nhưng đi đến nửa đường, nghe thấy dân-chúng ca-tụng Nguyên-phi ở nhà giám-quốc, trong nước được yên trị, Thánh-Tôn nghĩ bụng rằng : « Người đàn-bà trị nước còn được như thế mà mình đi đánh Chiêm-thành không thành công, không nhẽ đàn ông lại hèn không bằng đàn-bà hay sao ! » Nghĩ vậy, lại đem quân trở lại đánh Chiêm-thành, bắt được vua Chiêm là Chế-Củ. Chế-Củ xin dâng đất 3 châu Địa-lý, Ma-linh, Bố-chính (Quảng-bình và Quảng-trị bây giờ) để chuộc tội. Thánh-Tôn nhận ba châu ấy, tha cho Chế-Củ về nước.

Thánh-Tôn về triều, năm ấy (1069) đổi niên-hiệu là Thần-Võ để ghi cái chiến-công oanh-liệt binh Chiêm.

Năm Nhâm-tí (1072), Thánh-Tôn mất, tại vì được 18 năm, thọ 51 tuổi.

Thái Tử Càn-Đức lên nối ngôi, tức là vua Lý-Nhân-Tôn. Nguyên-phi được phong làm Ỷ-Lan Thái phi.

Nhân-Tôn mới lên 7 tuổi, Y-Lan Thái-phi vừa giúp chính, vừa dạy dỗ con, đào-tạo nên một vị anh quân có đạo. Trong khi giúp vua, thay giữ chính-quyền, nước được thêm giầu mạnh Thái-phi ban hành nhiều nhân-chính, thực đáng là một vị nữ chúa oanh-liệt và nhân từ ít có. Những việc sửa sang quốc-chính, việc học, việc thi, việc đánh Tàu, đánh Chiêm thành, gian-nan trọng-đại, bao nhiêu quốc-gia đại-sự, tuy ngoài có thái-sư Lý-đạo-Thành làm phụ chính, nhưng ở trong phần nhiều đều do một tay điều-khiển của Thái phi Y-Lan buông rèm nghe việc triều-chính. Ấy cái chính-sách cầm vận mệnh quốc-gia đều do Thái phi Ỷ-Lan chủ-trương tất cả. Tuy vua Nhân-Tôn lên ngôi năm 1072, nhưng cách mấy năm sau, Lý-đạo Thành vì chính-kiến bất hợp phải bỏ ra làm Trấn thủ nghệ an, thì những việc trên kia xảy vào khoảng 1075 1078 tất phải do Ỷ-Lan thái phi điều-khiển trong khi vua còn thơ-ấu.

(Xem tiếp trang 15)

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p·00 một vé

Bóng người đàn bà
trong văn chương việt-nam

PHẠM-MẠNH PHAN

Đọc cuốn « Đàn bà và nhà văn » của ông bạn chúng tôi là Kiều-thanh-Quế, chúng tôi thấy biết bao thiên tài chỉ vì một bóng hồng tha thướt, kích thích tâm hồn, mà tợ lòng rung-động, nẩy được những câu tuyệt diệu hoặc dựng được sự nghiệp trên chốn van đàn bằng những tác phẩm bất-hủ.

Vở tiểu-thuyết đầy lãng-mạn, *Werther*, đã từng một giáo được thanh-niên các nước coi như kinh nhật-tung, chỉ là một thiên tình sử lâm ly réo rắt « thoát thai » trong một cuộc tình duyên của nhà đại văn hào đức, Gœthe (1712 1832).

Biết bao các giai nhân diễm lệ đã từng có anh hưởng sâu xa tới thiên tài của Rousseau (1712-1778). Những cảnh êm đềm đầy thơ mộng của ông tả trong cuốn *Nouvelle Héloïse* chỉ là những giờ phút say xưa của Rousseau với bà D'Houdetôt hay với những bạn tình khác.

Trong những giờ phút mê ly cạnh người bạn lòng, Georges Sand, ở Fontainebleau, Musset 1810 1857) đã thảo nên thiên tuyệt bút « *Nuit de Decembre* ». Lúc bị người yêu ruồng bỏ, nhà thi sĩ ấy tâm hồn ngây ngất, bèn ký thác những thổn thức của lòng trong bao vần bi đát ở bài thơ *Nuit de Mai*.

Thi sĩ Avers (1806-1851) cũng chỉ vì người mình yêu, bà Menessier con gái nhà văn sĩ Charles Nodier (?), vì lòng lững hờ giá lạnh mà lưu lại hậu thế một bài thơ nổi tiếng, bài *Sonnet* trong tập thơ đầu, *Mes heures perdues* (1833), để tỏ niềm tâm sự :

..Aussi j'aurai passé, près d'elle inaperçu,
Toujours à ses côtes et pourtant solitaire,
Et j'aurai jusqu'au bout fait mon temps sur la terre,
N'osant rien demander et n'ayant rien reçu...
..Hỡi ơi ! Người đó ta đây,
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân ?
Dẫu ta đi trọn đường trần,
Truyện riêng dễ dám một lần hé môi.

(Bản dịch của Khái-Hưng)

***

Đó mới là những giai thoại nên thơ của làng văn tây phương. Dưới đây xin thuật một chuyện Đông phương để hiến các bạn đọc (1).

Trương Thuyền Sơn, tự là Trọng-Trị, người Toại-ninh (Tứ-xuyên), đậu tiến-sĩ năm Càn-long thứ 55, đời Thanh-Cao-Tông (1736-1795). Trương nổi tiếng là một tay thơ hay nhất ở Thục. Tập *Thuyền sơn thi thảo* của Trương có lắm bài linh động những khí sông, mà lại phảng phất cái giọng Lão Đỗ (Đỗ Phủ) đời Đường.

Nhưng trong nhà thơ này có một giai-nhân rất tương đắc với Thuyền-Sơn. Sống chung trong bầu không-khí thanh phúc, họ cùng nhau xướng hoa những khi nhàn rỗi. Người ấy tức là khuê trung hữu của « Vượn già núi Thục » (dịch nghĩa chữ « Thục sơn Lão viên » (2).

Vợ Thuyền Sơn cũng là một nữ sĩ nổi tiếng, nên lúc cảm hứng, bà có tặng chồng một bài thơ :

Ái quân bút đề hữu yên hà,
Tự bạt kim thoa phó tửu gia.
Tu đáo nhân gian tài tử phụ,
Bất từ thanh sấu tự mai hoa !

Yêu anh : mây khói bút bay tài,
Vui thảo thoa vàng đổi rượu chơi.
Tôi sô : làm bà « thi sĩ kiết »,
Quản bao gầy nhẹ tựa bông mai !

(Bản dịch của Hoa-Bằng)

Yêu văn thơ chồng đến nỗi tháo cả thoa vàng gán cho hàng rượu để lấy rượu chồng uống ; yêu cái diễm phúc làm vợ một anh « tài sĩ » nghèo, đến nỗi vui lòng chịu gầy nhớ bông mai. Cái yêu ấy kể cũng cao tuyệt. Bà Thuyền-Sơn thật đã gặp những bà vợ hiền nước Đại-Việt ta trong câu phong dao này :

Đốt than nướng cả cho vàng,
Lấy tiền mua rượu cho chàng uống chơi !

Trên đây mới là mấy giai thoại của làng văn ngoại quốc.

Trong văn chương việt nam những chuyện nên thơ chỉ vì một bóng giai nhân không phải là hiếm.

Trước vẻ thướt tha kiều diễm, các cụ ta xưa tâm hồn cũng đã từng phen rung động mà thốt nên lời cầm tú.

Đọc văn thơ các bậc tiền bối, chúng ta ai còn không biết vua Tự Đức, tức đức Dực tôn (1848-1883) là một ông vua hay chữ nhất về triều Nguyễn.

Ngài đã đặt ra *Tập hiền viện* và *Khai kinh điện* để cùng ba quan ngâm vịnh và bàn bạc văn chương.

Trước cái chết bi đát của Thị Bằng, một cung phi mà đức vua trìu mến, Ngài đã từng thấy lòng nặng trĩu những đau thương.

Cảm tình chan gối nồng nàn, Ngài bèn ghi trên giấy bằng những lời thơ đầy nhớ nhung xao xuyến :

Ớ, Thị Bằng ơi ! đã mất rồi !
Ớ tình, ớ nghĩa, ớ duyên ôi !
Mùa hè, nắng chái, oanh ăn nói ;
Sớm ngõ, trưa sân, liễu đứng ngồi.
Đập cỗ kinh ra, tìm lấy bóng,
Xếp làn y lại để dành hơi,
Mối tình muốn dứt càng thêm bận !
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi !

Đối cảnh tình duyên chia rẽ, lòng đức Vua, nghĩ tới bóng giai nhân, như thấy nghẹn ngào vì thổn thức. Mà cuộc phối hợp lỡ làng ấy đã lưu lại cho hậu thế bằng mấy vần thơ bất hủ, chứng thực tình yêu tha thiết của bậc đế vương thi sĩ.

Cái chết của bậc tcung phi đã được bút mực ghi bằng những lời làm ly thống thiết thì bóng một bậc hiền phụ đáng kính trọng, đáng tôn sùng cũng được cụ Lương Khê Phan thanh Giản (1796 — 1867) kỷ công trong những vần thơ thành thực :

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông :
Đàng mây cưỡi tớ ham giong ruổi
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng.
Ơn nước, nợ trai đành nỗi bận,
Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo cơn lâm biệt,
Rằng nhớ rằng quên, lòng hỡi lòng,

Với cảnh nhà thanh bạch, với đấng cha già, với đàn con dại, trước lúc bước chân ra đi « giong ruổi đường mây » trăm công nghìn việc, cụ Phan đều nhờ cậy bậc hiền phụ đảm đang.

Bóng người đàn bà khuôn mẫu ấy được ghi trong văn thơ việt nam mãi mãi vì cái tình khắng khít ấy « ghi tạc có non sông » vẫn hằng theo rõi cụ Lương Khê trong lúc sinh thời.

Trước công luận nghìn thu, bậc hiền phụ ấy đã từng sống những ngày « tân khổ » quả đã được đền ơn bằng một bài thơ thống thiết, đủ làm chói lọi tấm gương sáng của trang hiền phụ.

Cũng như cụ bà Phan thanh Giản, bà Tú Xương người huyện Mỹ lộc, Nam định, có đủ đức hạnh của người đàn bà theo khuôn mẫu Khổng giáo.

Suốt đời cam cụi, nắng mưa nào quản, bà rốc lòng vì gia đình mà :

Quanh năm buôn bán ở mền sông
Nuôi nấng nam con với một chồng.
Lặt đặt chân cò kì quãng vạng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông
Một duyên hai nợ âu đành phận
Năm nắng mười sương dám quản công
. . . . . .

Cũng chỉ vì nhờ bà đảm đang mọi việc, nên ông Tú Xương mới « tiền bạc mặc tuồng con mụ kếm » mà nay hát mai đàn, « cầm kỳ thi tửu vui ra phá ».

Sống bao nhiêu phung phí, ông Tú tha hồ liếu lĩnh mà ngâm thơ, mà vịnh nguyệt, mà hý lông cổ kim để lưu lại hậu thế những vần thơ chua cay trào phúng.

Bà Tú, người đảm bà đảm đang ấy, đi đôi với sự nghiệp bất hủ của ông Tú Xương như hình với bóng.

Bóng người ấy còn mãi mãi với non sông đất Việt mà tiêu biểu cho một lớp người trong đám phụ nữ cựu thời, sống âm thầm những chuỗi ngày cần cù trong bóng tối, để suốt đời hy sinh cho gia đình, giường cột của quốc gia, mà không hằng biết đến những ngày hoan lạc.

***

Nếu công nghiệp các bậc hiền phụ được ghi trong văn chương việt nam bằng những bài thơ tuyệt diệu, thì những giai thoại khác chỉ vì bóng đàn bà mà có không phải là hiếm.

Cụ Nguyễn công Trứ (1778 1858) một bậc tài hoa lỗi lạc, đã từng sống những ngày phóng khoáng nên khi thường :

Cơn chênh choáng gảy vầng trăng đất lại,
Cỗ ốc ngâm nga, xáo lộn cổ kim ca

Hồi còn hàn vi, cụ đã từng « khắp đông tây nam bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công tử xác ».

Các chốn yên hoa, cụ vẫn thường nang lui tới nên « *khi đứng, khi ngồi, khi nói truyện lúc say lúc tỉnh, lúc chiếm bảo tàn hồn* » cụ vẫn lẩn quất ở chốn ca trường mà vương vấu với giọng hát du dương nhịp nhàng hòa điệu cùng tiếng sênh tiếng phách.

Hậu Thư, một ả nữ, tuy trên mái tóc đã nhuốm sương, nhưng sắc đẹp mê hồn vẫn còn dễ quyến rũ lòng người lỗi lạc.

Cụ Nguyễn công Trứ muốn gần gũi ả nữ ấy nhưng không được. Vốn là một tay đàn giỏi, cụ mới thác kế xin với Hậu Thư cho theo làm kép để được luôn luôn gần gũi giai nhân

(Xem tiếp trang 21

Dịch phẩm « Chinh - phụ ngâm »...

(*Tiếp theo trang 3*)

phương-pháp khoa-học, có căn-cứ vào một nguồn nào xác-thực hẳn-hoi thì xin các ngài làm ơn công-bố cho văn-học giới cùng biết để phá cái nghi án văn-học bấy lâu và trình cái nạn « râu ông, cằm bà » hang xảy trên trang văn học sử Đại Việt.

Trái lại với những thuyết trên nhìn nhận dịch phẩm *Chinh-phụ ngâm* là của bà Đoàn, ông Đông-châu Nguyễn Hữu Tiến lên tiếng trong *Nam-Phong* số 106, Juin 1926: « Cứ tra trong *Phan gia tộc phả* cùng lời các phụ-lão trong họ Phan truyền lại thì bài *Chinh-phụ ngâm* bằng Hán văn là của ông Đặng Trần-Côn người làng Nhân-mục làm ra, mà cụ Phan Huy Ích dịch ra văn nôm, hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính, vừa chữ vừa nôm...» Và «... *Chinh-phụ ngâm khúc* bấy lâu nay ta vẫn truyền là bà Thị Điểm diễn nôm, dễ thường không phải mà chính là cụ Phan Huy-Ích diễn ra đó chang?»

***

Về vấn-đề này, theo ngu ý, có nhiều tình-tiết phức-tạp. Có thể là cùng một đầu đề là *Chinh-phụ ngâm* mà có mấy bản dịch khác nhau. Bản được thông hành nhất là bản dịch mà bấy nay vẫn tương truyền là của Đoàn-thị-Điểm.

Bà Đoàn có lẽ lớn hơn Đặng Trần Côn độ ngoài 10 tuổi. Mà Đặng, khi còn là học trò, từng sống dưới mệnh-lệnh Uy-vương, cấm Thăng-long thắp đèn trong ban đêm, thì Đặng chắc-chắn là người đời chúa Trịnh - Giang (1729-1740), còn sống sang đời chúa Trịnh-Doanh (1740-1767) và đầu đời chúa Trịnh Sâm (1767-1782) nữa. Vì thiên *Chinh-phụ ngâm* chữ-hán của Đặng chính là tiếng dội lại trước những cảnh binh-lửa loạn-ly ở đời Trịnh Sâm gây cuộc nội-tranh với nhà chúa Nam-hà, khiến bao binh-sĩ Bắc-hà phải « lưng đeo cung tiễn », « lòng vướng thê-noa ».

Mà hồi bà Đoàn 70 tuổi, còn đi lại nơi kẻ-chợ để dạy học được, thì rất có thể kịp đọc nguyên-văn của Đặng Trần Côn. Cái cớ tác-giả *Tang-thương ngẫu lục* không chép việc dịch *Chinh-phụ ngâm* nếu quả là dịch-phẩm của Hồng-Hà nữ-sĩ, thì ta cũng không lấy gì làm lạ, là vì các cụ nhà ta xưa thường hay coi thường những sản-phẩm bằng tiếng mẹ đẻ. Chứng cớ ấy tôi đã thấy rõ trong truyện *Chu An* ở tập *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*: Chính Chu có *Quốc ngữ thi tập* trong gồm những bài thơ nôm, thế mà ở mục « *Hiền-thần* » sách ấy chỉ nói có *Tứ thư thuyết ước* và *Tiểu ẩn tập* là những môn « sở trước » của Chu. Có lẽ việc bà Đoàn có dịch *Chinh-phụ ngâm* mà không được sử sách ghi chép cũng chung một trường-hợp như *Việt-sử tổng-vịnh* đối với cụ Chu Văn-Trinh này chang?

Còn cái thuyết bảo ông Phan Huy-Ích là dịch-giả *Chinh phụ ngâm* thì cũng có lý, là vì cái chứng-cớ bằng một bài thơ của họ Phan ở làng Thầy (Quốc-oai, Sơn tây) mà ông Đông-châu Nguyễn Hữu Tiến đã nêu trong Nam-phong kia cũng không phải không vững chắc:

« Nhân - mục tiên - sinh Chinh phụ ngâm
Cao tình, dật điệu bá từ lâm:
Cận lai khoái trá tương truyền tụng,
Đa hữu thôi sao vị diễn âm.
Vận luật hạt cùng văn mạch túy,
Thiên chương tu hướng nhạc thanh tầm.
Nhân trung phiên dịch thành tân khúc,
Tự tin suy minh tác - giả tâm. » (1)

— Phan Huy-Ích (2)

仁睦先生征婦吟
高情逸調播詞林
近來膾炙相傳誦
多有推敲爲演音
韻律曷窮文脉粹
篇章須向樂聲尋
閔中翻譯成新曲
自信推明作者心

Nên mua: cho các trẻ em đọc:
TÂN NỮ HUẤN CA
(đã được giải thưởng hội Khai trí)
Giá 0$20 — Cước 0$08
bán tại:
hiệu sách Đồng Tây
195 phố hàng Bong Hanoi
(gửi bằng tem (cò) cũng được)

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Xem bài thơ ấy của Phan Huy-Ích, ta thấy nhà văn-học kiêm ngoại giao dưới triều Quang-Trung (1788 — 1792) đã nhận trắng rằng chính mình, trong khi nhàn-rỗi, từng phiên-dịch thiên *Chinh phụ ngâm* của « Nhân-mục tiên-sinh » (3) thành khúc mới rồi, vậy ta không thể chối-cãi rằng họ Phan không phải là một dịch-giả *Chinh phụ ngâm* được. Nhưng bây giờ ta chỉ cần biết bản dịch ấy của ông Phan thế nào, có giống hay khác với bản dịch bấy lâu vẫn truyền là của bà Đoàn thị Điểm. Chúng tôi rất mong các ông lệnh-diệu họ Phan nên công bố bản dịch của ông Phan Huy-Ích ra để gỡ cho xong một mối ngờ lớn về văn-học này.

Trong khi ta chưa đủ chứng-cớ mà phán-đoán cái án văn học này vì chưa tìm được những nguồn chắc-chắn để quả-quyết bản dịch *Chinh-phụ ngâm* hiện đang thông hành là của bà Đoàn thị-Điểm thì, thiết tưởng, ta nên để chữ « khuyết danh » ở bản dịch:

« *Thủa trời đất nổi cơn gió bụi*
« *Khách má hồng nhiều nỗi truân-chuyên!*
. . . . . .
« *Cho bõ lúc xa sầu, cách nhớ.*
« *Giữ-gìn nhau vui thủa thanh-bình.*
« *Ngâm-nga mong gửi chữ tình,*
« *Nhường này âu hẳn tài lành trượng-phu.* »

Như thế có lẽ đúng với phương pháp hóa-học và phân-minh đối với cái thuyết « trả cho César cái chi của César ».

HOÀ-BẰNG

1) Cở chép trong « Dụ-am ngâm lục ».

2) Nghĩa là: Cuốn Chinh phụ ngâm của ông Nhân-mục (kêu Đặng-Trần Côn theo lên làng, đó là một lối tôn-trọng của ta xưa, cũng như gọi cụ Nguyễn Khuyến là cụ Yên-đỗ) được truyền bá ở nơi từ lâm: tính-tứ thì cao-nhã, cách điệu thì kỳ dật. Gần nay người ta truyền tụng, đọc lên lấy làm khoái trá lắm. Có nhiều người phải loay-hoay sửa đi chữa lại chỉ vì muốn diễn ra quốc-âm. Xét theo vần luật, thì không sao xiết được cái tinh túy của mạch văn. Nên lần theo thiên-chương mà tìm lấy liếng nhạc-điệu. Tôi, trong khi nhàn rỗi, đem dịch thành khúc mới, tin rằng mình hiểu rõ được lòng tác-giả.

3) Đặng Trần Côn người làng Mọc (Nhân mục) huyện Thanh trì Hà-đông.

Ỷ-LAN PHU-NHÂN

(Tiếp theo trang 11)

Vả, khi đó, Dương Thái-hậu là đích-mẫu cung mất rồi.

Lúc thái-tử lên ngôi mới 7 tuổi, đích-mẫu Dương-thị và sinh mẫu Ỷ-Lan buông mành nghe việc triều chính. Theo chính sử thì Ỷ-Lan thấy Dương Thái-hậu giữ quyền, trong bụng không yên, nên xui con là Nhân-Tôn giam cầm đích-mẫu là Dương Thái-hậu cùng bọn cung-nữ 72 người trong cung Thượng-dương bắt tự sát để tuẫn táng theo vua Lý Thánh Tôn.

Theo thần-tích làng Siêu loại thì khi Ỷ-lan mới sinh Thái-tử Càn-Đức, Dương Thai-hậu với bọn cung-nữ âm-mưu chiếm-đoạt Thái-tử, bảo là con mình sinh ra và vu cho Ỷ-lan sinh ra quái-thai, để hãm Ỷ-lan vào tội. Sau Ỷ-lan mới nhận được con, rồi từ đó hai bên hiềm-khích nhau, tiếp đến việc báo oán ấy.

Làm một việc tàn-ác như thế, nên vãn niên, Ỷ-lan Thái-phi rất hối hận, càng sùng Phật đạo, càng làm nhiều việc từ thiện, để sám hối và đền tội, chuộc tội. Nào thi-hành nhiều nhân-chính cho dân, nào phát tiền trong kho để cứu tai, tuất nạn, để chuộc con gái nhà nghèo bị cầm bán, rồi cho đem gả chồng vào những nơi tử tế, vân vân.

Dù những nhân-chính ấy không đủ để chuộc tội ác, để rửa sạch một vết nhơ trên một viên ngọc quí, nhưng đối với cái công Ỷ lan Thái-phi đã từng giúp quốc được yên-trị, trong khi chồng đi viễn-chinh, lại giúp con chủ-trương việc nước khiến nước nhà được thịnh trị, dân-cư được hưởng cuộc thái bình, thì cái công của bà đối với quốc gia như thế kể cũng phải là nhỏ vậy!

Bà vốn mộ Phật, lại có tính biết hỏi những điều chưa hiểu hoặc còn ngờ, nên dần dần bước được vào cõi thâm áo của Phật học.

Ngày 15, tháng 2, năm Hợ phong thứ 5 (1096), bà thân đến chùa Phổ-minh ở Từ liêm, hỏi sư Thông-biến về nhiều điều trong đạo Phật. Nhờ đó, bà cũng có nhiều điều sở đắc.

Khi đã ngộ đạo, bà có làm mấy câu kệ bằng chữ hán, ý nghĩa như đây:

Sắc là không, không tức sắc,
Không là sắc, sắc tức không
Sắc? không? thôi mặc cả,
Mới thấu được chân tông

(Bản dịch của H. B.)

Nguyên văn bài ấy có in trong cuốn *Thiền uyển tập anh*. Đó là một bài văn vần duy nhất còn sót lại trong đời văn học của bà.

Sự-nghiệp từ bé đến già từ nghèo hèn đến tôn-quí của Ỷ lan Thái phi thực là một cái gương sáng cho các bạn nữ-lưu tân tiến ngày nay, cho những ai trọng đám quần-thoa, muốn trở nên những bực anh thư nữ kiệt, muốn tham gia vào việc xã-hội, quốc-gia, trước cần phải mở mang tri thức, cần phải trau-giồi đức hạnh, cần phải nâng cao nhân cách, rồi mới mong tự mình tạo lấy sự nghiệp cho mình..

NHẬT NHAM

MỘT NẠN ĐƯƠNG LƯU-HÀNH trong văn-học phụ-nữ.

của MỘNG-SƠN

CÁCH năm mươi năm trước đây, ở Mỹ-châu và ở Âu-châu nổi lên một phong-trào phụ-nữ. Một số đông chị em viết sách viết báo ở xứ ta quả-quyết: « Đấy! một phong-trào rộng lớn của phụ-nữ. »

Riêng tôi không tin. Dẫu nghìn người chống lại, tôi cũng cứ mạnh bạo nói: « Không tin! »

Cái lối bảo mèo là bò, hạt cát là vũ trụ không có giá trị đối với người nhìn thẳng vào sự thực. Sự thực, chua-sót thay, nhiều khi không ra gì nhưng đấy là sự thực, chúng ta phải nhận nó. Vậy tôi cứ nói rằng phụ-nữ thế-giới không chịu ảnh-hưởng gì ở phong-trào ấy vì nó chỉ có tính-cách một phong-trào nữ-tôn (féminisme).

Đòi bình-đẳng, bình-quyền đâu phải là đòi giải-phóng?

Cái nhầm ấy đã trở nên một nạn lưu-hành giữa chị-em chúng ta. Bởi thế có nhà văn, nhà báo yên-chí rằng đàn bà được nhảy đầm, coi hát, hút thuốc, uống rượu, đánh bạc, chơi với những « bạn trai »... như chồng, ấy là đã được giải-phóng! Ngây-thơ biết chừng nào!

Thực ra, có nhiều người không những được như chồng, còn « đi xu hơn » chồng nữa, vậy mà vẫn thấy mình bị trói-buộc. Trước tình-thế ấy, họ kinh-ngạc, u-sầu.

Có gì đâu. Xưa nay một số đông chị em chúng ta vẫn tưởng sự nô-lệ về dị tính là sự nô-lệ về thứ-bực.

Không! không! không bao giờ có thể lộn làm một. Người cầm bút có nhận-thức khoa-học, có nghị-lực xác-đáng và có thành-văn sáng-sủa thì phải phân biệt:

Nô-lệ về dị-tính là nhận rằng đàn ông thuộc về phái khỏe, mình thuộc về phái yếu và cần người ấy che-chở. Khi mình đã trở nên khỏe, hùng như đàn ông, mất cái tính riêng của đàn bà, khi ấy mình đã tự giải-phóng.

Nhưng, thành-thực, phải nhận rằng mới giải-phóng một trong muôn phần. Tại sao?

Vì một cớ rất dễ hiểu này: « chị-em chúng ta còn *nô-lệ về thứ-bực.* » Nghèo, chúng ta lại lấy người giàu. Không làm, chúng ta chỉ sống bám vào chồng. Cố nhiên chúng ta bị nô-lệ, bị khinh-bỉ, mặc dầu người chồng bao giờ cũng tha thiết yêu chúng ta.

Thực vậy. Kinh-tế lọt vào tay ai thì quyền chỉ-huy gia-đình về tay người ấy nắm. Nếu mình kiếm ra tiền, ngoài sự nuôi thân, lại nuôi cả chồng, con, cả cha-mẹ chồng thì dẫu mình chỉ bé như hạt bụi và yếu như cây sậy, chồng cũng không ức-hiếp nổi.

Trái lại, nếu mình to bằng vũ-trụ và khỏe như đại lực-sĩ mà chỉ ăn bám vào chồng làm cái máy đúc con, cái máy bóc lịch, cái máy tiêu thụ phấn son, nước hoa và các đồ xa-xỉ thì chồng cũng đè-nén mình như thường.

Chúng ta chẳng đã từng thấy dưới chế-độ mẫu-hệ, đàn ông nô-lệ đàn bà đó ư? Bấy giờ ngoài sự nô-lệ về dị-tính, cũng như đàn bà ngày nay, đàn ông còn bị nô-lệ về thứ-bực. Chỉ vì kinh-tế lọt vào vếm-khăn.

Vậy đứng trên miếng đất văn-học, chị em cầm bút, chúng ta cũng nên thận-trọng. Nữ-tôn, xin chớ nhận lầm là giải-phóng. Chúng ta phải biết sức thành-thực vì chúng ta không thể quên nhiệm-vụ thiêng liêng của mình trước lịch-sử?

Một ngày mà cái nạn lầm-lẫn kể trên còn lưu-hành nữa, ấy là một ngày tội-lỗi đổ vào mình chúng ta.

MỘNG-SƠN

Chinh phụ ngâm

Bản dịch của Giáo-sư Bùi văn-Lăng do thư-xã Đắc-Lộ xuất bản, giấy đẹp, giá 1 $ 50.

Cho xuất bản quyển « *Chinh phụ ngâm* » dịch ra chữ Pháp, thư-xã đã nhắc lại cho ta những nỗi than vãn, chứa-chan tâm-sự của người chinh phụ: gặp lúc « *giời đất nổi cơn gió bụi* », ngồi ở cô-phòng mà trông mong kẻ chinh phụ giở về với quả ấn phong hầu.

Văn hán của Đặng-Trần-Côn, bản dịch của Đoàn-thị-Điểm đã được ôn lại và thêm chú thích dẫn giải các điển tích, quyển *Chinh phụ ngâm* ra hợp vào lúc bốn bể năm châu mở khói lửa, như gợi cái lòng « rượi rượi buồn » của người trong khuê khổn.

T. Đ.

Triển vọng của văn-học phụ nữ Việt Nam hiện đại

ÁI-LANG

« Sau lưng ta, bản ngã cổ truyền của ta thầm thì : Hãy cẩn thận — Nhưng, cả tuổi thanh xuân của ta reo lên : Thẳng tiến. »

Đó là 2 câu thơ bất hủ của một nữ thi-sĩ Nhật-bản hiện đại, bà Akiko Yosano. Thì ra, lịch trình tiến hóa của nhân loại không thể nào dùng nhân lực, kéo giật lùi lại những hình thức đã chết trong dĩ vãng. Tiến, cứ tiến, vượt trên cả thành kiến, cổ truyền, vượt trên cả luật lề nghiêm khắc. Cũng như nụ thủy-tiên gặp kỳ xuân ấm, phiết trứng gà không giữ nổi nở thành hoa, nước sông không 2 lần chảy qua dưới cầu theo lời biện-chứng của thầy Héraclite, văn chương một sản-phẩm của nhân công, một thành phần trong kiến trúc thượng tầng của xã hội, tất cũng phải theo đà muôn ngành kỹ-thuật mà nhịp nhàng tiến-triển.

Đôi khi, trong những trường hợp lịch sử bất ngờ, những tình trạng xã hội tạm thời bế tắc, văn chương có thể có những xu-hướng, những hình thức tưởng chừng như giật lùi. Nhưng kẻ đã quen với lẽ xoáy trôn ốc của vòng tiến hóa, không do-dự gì mà không tiên đoán rằng : trong hình-thức tạm thời phản động vẫn tiềm tàng những triển vọng cấp tiến chỉ đợi kỳ bột phát, để tới một ngày mai rực rỡ huy hoàng.

Phải ! không lạc quan với văn học phụ nữ Việt Nam hiện đại sao được ? Một khi nhà văn-học sử đã lấy con mắt thống quan dùng phương pháp khoa học để nhìn suốt lịch trình tiến hóa của phụ nữ văn học sử nước ta.

Trong khi kẻ sĩ còn nằm dài trên phản gỗ đọc thi thư, mơ tưởng mộng công hầu, để mặc bọn nông phu lấy cành cây làm bừa, lấy đá trau làm cuốc, chuyên cần ngoài ruộng, lấy sức mình hăng đỡ cả một giang sơn, thì trọng đám nữ lưu quý tộc, có bà huyện Thanh-quan, trang-trọng, đài các như... một bà huyện, viết nên những lời thơ quý tộc :

Tạo hóa gây chi cuộc hý trường
Đến nay, thấm thoát mấy tinh sương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo.
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương.

Và cô Hồ Xuân-Hương, một đại biểu cho bọn phụ nữ dân chúng, ngấm ngầm không phục tinh-thần Khổng-giáo, lẳng lơ nhưng đanh thép, cười cợt nhưng chua cay, gián tiếp giả lời xu hướng văn chương quý tộc bằng những câu thơ tài tình lưu truyền thiên cổ :

— Cành khuya văng vẳng trống canh rồn,
Chơ cái hồng nhan với nước non.
— Ai về nhắn nhủ phường lòi tói.
Muốn sống đem vôi quét giả đền.

Nước vẫn chảy qua cầu không giở lại. Thời-gian qua Lịch sử biến thiên. Khi người thợ Việt-Nam vào làm ở nhà máy, và tiếng Việt-Nam thêm được những chữ *Cafe* là *cà phê*, *casserole* là cái *xoong*, thì văn chương phụ nữ Việt-Nam cũng từ cổ điển mà tiến sang lãng mạn.

Trong *Nam-Phong tạp chí*, bà Tương-Phố làm một cuộc cách mệnh lãng mạn trong văn chương nữ giới, đem tình cảm sôi nổi, u sầu vào trong thi ca ; để cả một thế-hệ phụ nữ bắt đầu biết đọc thứ chữ giây muống, sủi sụt ngắn dài :

Sầu thu nặng, lệ thu đầy
Vi lan san sát, hơi mây lạnh lùng
Ngồn ngang trăm mối bên lòng
Ai đem thu cảnh bạn cùng thu tâm

(N. P. Số 131, trang 18)

Và say mê những thành Hồi, tháp Chàm, bà Huỳnh-thị Bảo-Hòa lần đầu tiên ở nước Việt Nam, cặm cụi làm một công cuộc khảo cứu nho nhỏ « *Chiêm-thành Lược khảo* ».

1931... 1933 ngày 23 tháng 7, cô Nguyễn-thị Kiêm lên diễn đàn hội khuyến học Saigon hết sức tán dương thơ mới. Cuộc diễn-thuyết dông dúc nhộn nhịp không khác gì một buổi diễn kịch Hernani của phái lãng-mạn Pháp qu ết chiến thắng phái cổ điển.

Các báo *Phụ nữ tân văn*, *Phụ nữ thời đàm*, *Đàn-bà* lần lượt ra đời.

Theo đà tiến triển của toàn thể xã-hội, trong địa hạt văn-chương, phụ nữ đã lên tiếng bình quyền. Rộn-rịp, tưng bừng 1936, 1937, 1938. Về những địa hạt khảo-cứu, tiểu thuyết tuy còn vắng người, nhưng về báo giới, về thi ca, nhất là về thi ca thì phụ nữ đã có một địa khả quan, hơn nữa nhiều nữ thi sĩ đã có những xu hướng rõ rệt :

Ít tư tưởng nhiều cảm giác, những đặc tính của thi ca phụ-nữ thượng lưu đã thấy hiện ra trong những câu :

Gió xuân đâu biết cho lòng thiếp,
Ôm ấp bên mình thiếp mãi chi
. . . . . .
Trong cơn ngây ngất say sưa ấy,
Chợt động cành cây tiếng lá rung.

(Vân-Đài)

Thảo nhiên, bình tĩnh, tả chân một cách khách quan, thiếu hẳn những tình cảm nhân đạo hàm súc, một đại biểu của phái phụ-nữ trung sản, dành thi-ca cho một thiểu số là cô Anh Thơ đã vẽ xong *Bức tranh quê* :

Trong thôn vắng tiếng gà xao xác gáy.
Các bà già đưa võng hát thiu thiu.
Những đứa con ngồi buồn lê bắt chấy.
Bên đàn ruồi rạc nắng hết hơi kêu

Đôi lời thơ còn thoang mùi quý tộc từ Hồ-Đông nhẹ nhàng lên tiếng, vẫn chưa ngoài cốt cách *Nam-Phong* :

Nét mực vừa khô, lệ ướt dầm.
Lời xưa thêm gợi mối thương tâm.
Biệt ly còn bận đời danh sĩ,
Huống chốn buồng thơ, khách chỉ kim,

(Mộng Tuyết—Phấn hương rừng)

Nhưng vượt hẳn các nữ thi-sĩ thượng lưu, trung sản, quý tộc ấy, một xu hướng nhân đạo đã bắt đầu, rộng rãi, tha thiết, nhiều triển vọng xa xôi, nhiều thâm tình cấp tiến với bà Mộng-Sơn :

Tình ta như sóng năm châu,
Lòng ta như bóng giăng thâu soi đời.
Những ai chung một góc trời,
Cười cười, khóc khóc ai người khác nhau?
Ngàn xưa cho đến ngàn sau,
Xanh đầu bạn sớm, bạc đầu chiều mai.
Vui xuân ta nhớ người vui,
Sầu xuân ta vẫn thương người buồn tênh.
Trong nhà thế giới mông mênh,
Lòng nhân loại ấy người tình của ta.
. . . . . .
Hỡi rừng, hỡi gió ! Hỡi hương !
Láng nghe xuân nhạc du dương lên rồi.

(Tình-xuân — Đàn bà)

Thi ca phụ-nữ Việt-Nam từ cổ-điển sang lãng mạn, tới tả chân đã đến nhân-đạo, trong khi cuốn tiểu thuyết đầu tiên đáng nói tới của phụ-nữ (*Răng đen* của cô Anh Thơ) và cuốn sách giáo dục có nhiều công trình học thuật (*Giáo-dục nhi-đồng* của bà Đạm-Phương) đã thấy xuất hiện. Mặc dầu, đó chỉ là những bước chưa dài của phụ-nữ tiểu thuyết gia, và phụ-nữ học-giả so với thi ca có lẽ chưa tiến bộ bằng, nhưng đó cũng là những công trình đầu tiên đáng khuyến khích.

Ngọn thủy triều đã lên ! Con thuyền ấy, một khi buồm đã dương, neo đã nhổ, thì giới xa muôn vạn dặm, còn bao nhiêu ảng hồng tươi. Văn học phụ-nữ Việt-Nam đã tiến, và đang có nhiều triển-vọng tiến xa nữa. Nếu máy hơi nước đã thay vào cuốc đá trau, thì máy điện sẽ thay vào máy hơi nước. Thơ lãng mạn của bà Tương-Phố đã thay vào thơ cổ-điển của bà Thanh-quan thì thơ nhân-đạo của bà Mộng-Sơn sẽ thay vào thơ lãng mạn của bà Tương-Phố.

Nhưng thi ca nhân đạo với Mộng Sơn chỉ mới là bắt đầu. So với thi ca lãng mạn, tả chân, cổ điển v.v... là cấp tiến, nhưng so với thi ca của một xã hội Việt-Nam tương lai vẫn còn thấp kém nhiều. Nữ thi-gia trong xã hội hiện đại, tình cảm tuy tế nhị nhưng chưa ra ngoài phạm vi đẳng cấp duy-tâm của mình, tư-tưởng muốn hoành bác, nhưng hoàn cảnh thực tại vẫn ở trong giới hạn hẹp hòi, trực-giác muốn cảm thông cùng nhân loại và vũ trụ, nhưng những điều-kiện vật-chất và sinh-hoạt vẫn kéo thi gia vào vòng mâu thuẫn gay go, đê hèn.

Thiên nga chưa bay được cao để nhìn cả khoảng giới xanh lồng-lộng và say-sưa với xuân sắc không cùng. Xu-hướng cấp tiến của thi ca sẽ bế-tắc và đôi khi có thể giật lùi về những hình-thức cũ nữa, nếu kỹ-thuật trong đất nước chưa phát triển mạnh mẽ, để làm nền-tảng vật chất cho một văn hóa mới mãi đến muôn đời.

Huống văn học đâu phải chỉ có riêng một ngành thi ca. Còn khảo cứu, còn tiểu thuyết, ấy là mới tạm kể 2 ngành chính nhất. Ngó đến những ngành ấy ở xứ ta

không ai dám nhận rằng phụ nữ đã chiếm được một địa vị gọi là đáng kể. Tất cả đều mới là sơ khai. Âu cũng là một điều đáng buồn vậy.

Với một thế-kỷ kỹ-thuật có từng ngành chuyên môn, văn chương không thể không thành chuyên môn được. Các nhà văn đừng sợ tiếng chuyên môn! Muốn chối cãi thế nào chang nữa, văn vẫn là một nghề và thiên tài một phần lớn cũng do chuyên luyện. Dùng chữ « thợ làm văn » e rằng hơi chướng tai những người quen thành kiến, nhưng dùng chữ « chuyên nghề văn », hẳn lúc này văn giới cũng nghe được rồi. Muốn chuyên môn về văn nghiệp phải có học, có thời giờ, có kinh nghiệm, giầu tình cảm. Và nhất là nghề văn phải nuôi sống được người tận tụy thờ phụng văn chương.

Nhà khảo cứu phải có học ít nhất qua bậc phổ thông, đủ thời giờ xem sách vở, chép tài-liệu, luôn luôn gần gụi những thư viện, bảo tàng những học hội, thư cục...

Phụ nữ Việt Nam đại đa số chưa tới bậc phổ thông, vì thành kiến trọng nam, khinh nữ cũng cỏ, mà nhất là vì điều kiện kinh tế xã hội chưa đầy đủ dồi-dào. Chưa đủ nghề nghiệp xã hội và kinh tế độc lập, ắt không sao có thời giờ mà xem sách, khảo tài liệu. Rất ít phụ nữ không bận việc gia đình, việc buôn bán, có chí hiếu học, lui tới những nơi khảo cứu, sách vở, giao thiệp với những học giả chuyên môn. Như vậy, với tình-trạng lúc này, hy vọng gì có những nữ-học giả Việt Nam có tài bằng nữ học giả ngoại quốc. Sản xuất được mấy quyển như *Chiêm - thành lược khảo*, *Giáo dục nhi đồng*, thiết tưởng phái phụ-nữ ham học của nước ta cũng đã cố gắng lắm rồi.

Nhà làm tiểu thuyết phải nhiều kinh - nghiệm trong cuộc sống, nhiều cảm giác xúc động vào đáy tâm hồn, mãi mãi thành bản-năng, nhiều học lực để quan niệm nổi những phương pháp phân-tách và tổng hợp theo phương diện khách quan khoa học.

Hỏi phụ nữ Việt Nam, với những điều-kiện xã hội, kinh tế lệ thuộc đã nói qua ở trên, thường ngày chỉ quen với bếp lò hay cửa hàng nếu không là Sa-lông và rạp hát, không trải nhiều, cảm nhiều, đọc nhiều, rời kim chỉ bếp nước là vớ lấy những áng văn chương « tài hoa son trẻ », những thơ tình buồn rời rợi, những tiểu thuyết quái dị hoang - đường, thì hy vọng gì ở thế hệ này những nữ tiểu thuyết gia đặt nổi được một câu chuyện gọi là sát cảnh sát tình và hợp lý! Quyển « *Răng đen* » của cô Anh thơ viết được xuất bản được, tờ *Đàn bà* với ít nhiều chuyện ngắn, dài của phụ nữ ra được đều đều hằng tuần cũng đáng nên khuyến khích lắm rồi.

Trong khi cả một thế hệ phụ nữ còn ở vào những điều-kiện khó lòng chuyên chú vào nghiệp văn, thì một vài nữ thạc sĩ nữ bác-vật dù có ra tận tụy nâng cao nghề văn chăng nữa có kể làm gì? Văn chương đâu là riêng của thiên số trí thức!

Riêng về thi ca thì phụ nữ Việt-Nam có thể lạc-quan được lắm trong địa hạt ấy, điều kiện tình cảm phong phú và cảm giác tế nhị cần thiết nhiều hơn là điều-kiện bác học và kinh nghiệm trường đời. Không chuyên môn không thành nhà khảo - cứu và khó thành nhà văn; nhưng có ít giờ nhàn rỗi ở chốn buồng sâu hay bên hiên vắng, đề yêu vẩn-vơ, buồn man mác, cảm sâu xa, say nhạc điệu rồi viết thành dam lời thơ ngắn; thi gia có lẽ không cần phải chuyên môn mà có muốn chuyên môn cũng không sao được vì hàng hóa của nhà xuất bản được chạy đâu phải là thơ.

Bởi vậy cho nên, nữ thi sĩ Việt Nam có thể có nhiều trong khi nữ học-giả và nữ văn sĩ có thể còn hiếm. Ấy là tình trạng vật chất xã hội đã quy định nên những xu hướng trong văn học nữ giới như vậy. Dù phê bình, dù khuyến khích, luật định mệnh trong lịch trình tiến hóa của các trạng thái xã hội vẫn nghiêm ngặt, bất di, bất dịch. Bi quan không được, mà lạc-quan cũng là sớm vội. Tất cả sự tiến bộ của văn học phụ nữ Việt Nam tương lai phải đợi sự biến đổi của những điều kiện xã hội. Chỉ khi nào phụ nữ khắp nơi đều được đọc sách ấy mới là lúc các ngành văn-học của phụ nữ Việt Nam tiến triển được nhịp nhàng. Dầu sao, hãy so sánh xem

Phụ nữ Nhật bản hiện nay đã có người viết được những câu

« *Ta nhỏ lệ cho ai, nếu không phải cho những bạn gái khác*
Ta đau đớn vì ai, nếu không phải lại lỡ vì họ... »

(Bjakuren)

Thì phụ nữ Việt Nam, cũng đã có người viết được những câu

« *Xuân về, cung nữ phởn nhơ,*
« *Xuân về, thôn nữ ngẩn ngơ trông giời!*
« *Ước gì xuân chẳng riêng ai,*
« *Chim kêu muôn ngõ, nắng soi vạn nhà.* »

(Mộng Sơn Đàn Bà)

Phụ nữ Việt Nam hả phải kém người trong trường văn học nhân bản. Mà văn học nhân bản, ấy mới là văn học của phụ nữ, ấy mới là văn học cứu cả thế nhân trong cuộc sống ngày mai.

Có một ngày cuối đông, gió bấc ào ào, cây đào trong vườn xơ xác, đam cánh hoa sớm nở, rơi rụng tả tơi. Nhưng sớm mai là một sớm xuân; nắng hồng sẽ chan chứa khắp vườn và muôn ngàn hoa đào sẽ tung nở.

Là vì: Đêm nay, gió xuân ấm đã sang

ÁI-LAN

Bốn bà công chúa

(Tiếp theo trang 9)

Thuận-lễ công-chúa tên là Tĩnh-hòa, tên tự là Quý-Khanh, lại một tên tự là Dương-Chi ; biệt hiệu là Thường-sơn. Bà là con gái thứ 34 vua Minh-mạng, và em gái Tùng-Thiện quận-vương Miên-thẩm, chị cùng mẹ với Lại-đức công-chúa. Sinh năm Minh-mạng thứ 10 (1829) lúc nhỏ là người nhu-thuận minh mẫn có đức tốt, ham thích đồ thư và chư sử, vua rất yêu. Lúc đầu học nhân-nữ ở công-cung, thì càng thông kinh sử rồi đến Cung-tử nhạc-phủ, hễ bà học được điệu nào bèn đem dạy người khác, trong cung gọi là nữ-sư.

Đến lúc gần lớn cùng anh là Miên-thẩm thờ Sinh-mẫu Quý-nhân ở nhà riêng nhân thế ông anh dạy luật thơ, bà lĩnh hội ngay được Công-chúa là người ham âm luật, khéo về lối van từ khúc, có đặt bộ nữ-nhạc, tiếng ty-trúc đầy nhà, các anh và các em gái thỉnh thoảng lại yến hội, thì bà thường đánh trống thổi sáo làm vui, cho nên đức Thương-sơn quận-vương đề tựa tập thơ có câu rằng : « Tăng thành nguyệt tĩnh, dạ tụng văn yêu điệu chi thanh, động-đình phong cao, thu tấu dụy kim-ti chi nhạc ». Nghĩa là những đêm giăng tỏ thường nghe tiếng dịu-dàng, gió mát mùa thu, tấu khúc nhạc tiếng tơ vàng : câu ấy là tả-cảnh tự đệ của công-chúa.

Nam Tự-Đức thứ 4 (1851) hạ giá lấy Đặng-văn-Cát phò mã đô-úy là con Đặng-văn-Thiêm, hàm văn-minh điện đại-học sĩ, thiếu bảo người huyện Quảng điền, phủ Thừa-thiên. Khi đã về nhà chồng, tiếng đàn hảo-hợp, bên cùng ngâm vịnh, gọi là thị xã. Công-chúa có bài thơ thuật-hoài rằng :

Thực trúc di hoa cường tự khoan,
Giác vô ngôn xứ, lệ nan can.
Thương tâm, tối thị đình tiền nguyệt,
Bất tỷ đoàn viên cựu-nhật khan.

Nghĩa là : « Giống trúc đời hoa tạm cho mình là khoan khoái, biết rằng cái chỗ không thể nói được thì nước mắt khó khô. Rất thương tâm ấy là mặt giăng ở trước sân, không thể ví như ngày trước hãy còn đoàn viên ».

Đức Thương Sơn vương khen thơ bà : lời gọn gàng, ý lưu-loát, văn chôi-chẩy, điệu mạnh mẽ. Thơ văn của bà đều như thế cả.

Năm Tự-Đức thứ 22 (1869) phong làm Thuận-lễ công-chúa. Năm Tự-Đức thứ 35 (1882) mất, thọ 55 tuổi, tên thụy là Mỹ-Thục, bà có chép tập thơ gọi là *Huệ phố thi tập*. Đặng-van-Cát sau vì con là Đặng-van-Phổ bị tội lây phải cách. Bà có 4 con giai, 6 con gái (*chép trong Đại-Nam liệt truyện* quyển 9, tờ 20 a-21 a)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tám câu chú thích dưới này đều dịch theo Đại-Nam liệt truyện, quyển 9, tờ 14 a-15 b

(1) Huyền minh là chức quan coi về dưới nước.

(2) Việt cơ là nàng hầu yêu của vua nước Sở. Một hôm nàng cùng vua lên trên đài chơi, vua ngảnh lại hỏi : « Có vui không ? » Nàng thưa rằng : « Vui thì vui thực, nhưng không biết có được lâu như thế không ! » Vua nói rằng : « Ta nguyện cùng nàng sống như thế này, chết cũng lại như thế này». Nàng vẫn chưa tin lời vua nói là đúng. Kịp đến khi vua Sở đi cứu nước Trần, nàng Việt cơ đi theo, chẳng may vua bị bệnh có đám mây đỏ giáp mặt giời như hình chim bay ; vua hỏi quan sử, quan sử tâu rằng : « Điềm ấy hại đến thân vua, nhưng có thể gán cho tướng văn hoặc tướng võ » Vua không nghe. Nàng Việt cơ nói : « Tôi thay đức của quân vương ! Tôi xin theo vua ». Nói rồi, tự-tử, cho nên người ta gọi là nghĩa-tử.

(3) Thiên Đàn-cung hạ, trong Kinh Lễ, chép. Tử-xa chết ở nước Vệ, người nhà bàn việc tuẫn táng (đem người sống chôn theo). Vợ nói rằng : « Chồng tôi ốm, chẳng ai nuôi ở dưới suối vàng : xin chết theo. »

(4) Sách Bắc Tề chép Vương bách Niên ở Nhạc lăng bị người ta rèm, vua vời vào vườn Huyền-đô. Bách-Niên tự biết không khỏi chết, cắt ngọc quyết thường đeo, để lại cho vợ. Đến khi bị giết, người vợ cầm ngọc quyết, kêu khóc hơn một tháng, không ăn rồi chết, ngọc quyết vẫn còn ở tay

(5) Đông Chu Liệt quốc chép Tử-Tư chạy sang nước Ngô, giữa đường bị bệnh, xin ăn trên bến sông Lại. Có người con gái hái dâu ở bãi sông Lại, mở bầu cơm cho ăn, rồi người con gái tự hối, đậy bầu cơm lại, gieo mình xuống sông Lại mà chết.

(6) Tam quốc chí chép Tiến Chu khi sắp mất, dặn người nhà rằng : « Lâu nay ta bị bệnh, chưa từng vào chầu. Sau khi ta mất, nếu ơn vua cho triều phục, chớ mặc vào mình, nên về chỗ mộ cũ, làm áo quan nhẹ để chịu ơn. »

(7) Kinh Lễ, thiên Tạp-ký, chép lễ táng là thẳng đường mà đi.

(8) Nam-sử chép Viên-đàm-Thâm theo Lưu Khải sang Giao-châu rồi mất, người vợ họ Trịnh khóc rằng : « Hồn họ Viên còn mắc ở đây, thì mặt mũi nào về nhà ra mắt mẹ chồng ! » Lúc bấy giờ họ Trịnh 20 tuổi, con là Văn-Ngưng mới sinh, thế mà qua châu Giao muốn dạm, đem được sác chồng về quê chôn : người ta đều ngạc nhiên khen phục

Bóng người đàn bà...

(Tiếp theo trang 13)

Cô Hiệu Thư bằng lòng nên trong những đám tiệc mừng, cụ Nguyễn công Trứ vẫn xách đàn lẽo đẽo theo sau.

Một hôm đi qua một cánh đồng thanh vắng, cụ Trứ, trước mặt người ca nữ kiều diễm ấy, « sóng tình nhường đã siêu siêu » nên mới buông lời lơi lả. Cô lặng thinh mà chỉ tỏ ý không ưng bằng hai tiếng « ư hử ».

Khi cụ Nguyễn công Trứ thành đạt, nhậm chức Tổng-đốc Hải An, thì tình cờ lại chính cô Hiệu Thư vào hát mừng tiệc thọ

Trông thấy cụ Thượng Trứ, đường đường một vị đại thần, đang nghiêm trang thưởng thức giọng hát mê ly bằng những roi chầu tình tứ, lại là anh kép đàn khi trước đã theo mình mà trông ghẹo, nên cô bèn hát :

Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền quyên « ư hử » anh hùng nhớ chăng ?

Cụ Thượng Trứ mới nhớ tới câu chuyện cũ rồi nạp người ca nữ ấy làm tiểu thiếp.

Lúc cao hứng cụ mới ghi bóng cô đào già ấy bằng mấy vần thơ bốn cợt :

Liếc trông giá đáng mấy mười mươi,
Đem lạng vàng mua lấy tiếng cười,
Giăng xế nhưng mà cung chẳng khuyết,
Hoa tàn song lại nhụy còn tươi.
Chia đôi duyên nợ đà hơn một,
Mà nét xuân kia vẹn cả mười.
Vì chút tình duyên nên đậm thắm
Khéo làm cho bạn khách làng chơi !

***

Cũng như cụ Thượng Trứ, thi sĩ Tản Đà là một văn nhân rất đa tình.

Ngay từ ngày còn cắp sách mới 13 tuổi, ông đã biết yêu, nên sau này ở *Khối tình con thứ hai* trong « bức thư của người tình nhân có quen biết » ông đã tự thú:

Giở giang là chữ tài hoa,
Chắp tay vái lạy trăng già chứng cho
Kể từ độ giang hồ lạc phách
Hội tương phùng đất khách đôi ta,
Biết nhau khi mới mười ba,
Tuần trăng chưa mãn, nụ hoa chưa cười

. . . . . .

Rồi khi 19 tuổi ông mê một cô hàng tạp hóa ở phố hàng Bồ Sau người con gái ấy tham giầu lấy một người nước da ngăm ngắm đen, nên trong bài thơ. « Con cá vàng » ông ám chỉ ai ra chiều bốn cợt :

Nước trong xanh lơ lửng con cá vàng,
Cây ngô cành bích con chim phụng hoàng no đậu cao
Anh tiếc cho em phận gái mà đào
Tham đồng bạc trắng mới gán mình vào cái chú tây đen.
Sợi tơ hồng ai khéo xe duyên
Treo tranh tố nữ đứng bên anh tượng đồng.
Chị em ơi, ba bẩy đường chồng.

Trong đời thi sĩ, bóng một giai nhân vẫn thường theo rối.

Một nữ độc giả, bà Song Khê, em bà Tương Phố, cảm thơ thi sĩ Tản Đà khi đọc mấy câu lơ lửng ở *Khối tình con* :

Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
Tiền đò ngại tốn, con đường ngại xa,
Người đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thời khủ, cái cà thời thâm.

Nấp dưới cái tên Đỗ Tang-nữ, bà gửi tặng nhà thi sĩ thần yêu ít rau sắng kèm với mấy vần thơ :

Kính dâng rau sắng chùa Hương,
Đỡ ai tiền tốn, con đường đỡ xa.
Không đi xin gửi lại nhà,
Thay cho dưa khủ cùng là cà thâm.

Trước cái thịnh tình ấy của bà Song Khê, thi sĩ Tản Đà cảm tình người tri kỷ, nên trong phần phụ lục đang ở cuối *Truyện thế gian*, có mấy vần thơ « bái phục » :

Mấy nhời cảm tạ tri âm,
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình.
Đường xa rau hãy còn xanh,
Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào
Yêu nhau xa cách càng yêu,
Dẫu rằng xuông nhạt mà nhiều chưa chan,
Nước non khuất nẻo ngư nhân,
Tạ lòng xin mượn Thế gian đưa trình (3)

***

Vài giai thoại kể trên chứng rằng đối với văn nhân thi sĩ bóng người đàn bà vẫn hằng vấn vương.

Hơn ai hết, tâm hồn văn nhân, thi nhân thường hay biết rung động trước vẻ đẹp mê ly của con người ngọc.

Trong văn chương việt nam, những câu chuyện kể trên không phải là hiếm.

Vì vậy, nhờ những bóng hồng lướt qua đời các thi nhân, chúng ta đã từng được đọc những vần thơ điêu luyện.

Và, với các cụ ta xưa, một nụ cười, một khoé mắt của một mỹ nhân kiều diễm nếu không làm đổ vỡ một cái gì thì cũng khêu gợi nên biết bao thi tứ.

PHẠM MẠNH PHAN

(1) Viết theo tài liệu của bạn Hoa Bằng

(2) Vì trang mao Thuyền Sơn giống con vượn, nên tự đặt hiệu như vậy

(3) Các sách báo tham khảo :

Hoa-Bằng : Bài văn học ta xưa. . Tri Tân số 59

Kiều thanh-Quế : Đàn bà và nhà văn

Dương-quảng-Hàm : Việt hán giáo khoa thư

Sở Cuồng : Vị Xuyên thi văn tập

Lê Thước : Nguyễn công Trứ

Nguyễn-văn Ngọc : Nam thi hợp tuyển

Lê Thanh : Thi sĩ Tản Đà

Nguyễn khắc-Hiếu : Tản Đà vận văn Giấc mộng lớn, Truyện thế gian

Bài được giải khuyến-khích trong cuộc thi « Lịch - sử ký sự » do Tri-Tân tổ chức

Hai bà BÙI-THIẾU-XUÂN và LÊ ÁI-LƯƠNG

(Phụ lục)

TRỊNH NHƯ CHẤT

VỀ hồi Lê-mạt, trong nước tơi-bời nhiều trận can qua, chính-trị suy-tàn, nhân-dân đồ thán.

Thời ấy nhà họ Bùi ở Khuê-phương (Hải-dương), nhờ bà tiết-phụ chèo-chở, qua dần những khúc ba đào. Bà, một dạ kiên trinh, sớm hôm tần tảo để nuôi hai con hãy còn thơ ấu. Đầu lòng là gái tên gọi Thiếu-Xuân, mới mười hai tuổi, mặt gương sắc-sảo, lại thông-minh vào bực xuất-quần. Thứ đến Bùi Sơn : một trai cĩnh-ngộ khác đời.

Mẹ góa, con côi, lần chuỗi ngày ảm đạm trong bầu không-khí hiền hiếu.

Người chú thấy Xuân yểu-điệu thông-minh, bèn đón thày về nhà cho cháu dùi mài đèn sách.

Từ ngày theo nghiệp bút nghiên, Xuân lấy van thơ thay việc kim chỉ. Vì thông-tuệ, chẳng bao lâu, Xuân đã trở nên một tay hay chữ.

Với chí-khí khác đời, Xuân những muốn theo gương Trưng-vương, Triệu-Âu, để trở nên một chang nữ-kiệt !

Một ngày xuân đầu nam, học-đường qua mấy ngày tết lại cuốn bức mành để tiếp đón các học-sinh. Nam mới học-sinh khai bút, vừa lúc hoa xuân nở, chim xuân ca, quang cảnh chốn học-đường thực có vẻ nên thơ khôn xiết.

Một chàng thư-sinh bình-dung tuấn-tú tới nơi xin nhập học. Chàng họ Trần tên Quang-Diệu, quê ở Hương-tân (Thái-bình) dòng dõi anh-hào, trên còn hai thân vốn cùng họ Bùi là bạn tâm-giao, nên gửi con sang nhờ trông nom học-tập.

Thấy người thiếu-niên phong-vận, thày cũng vui lòng nhận nhời cho học.

Từ đó, Thiếu-Xuân và Trần-Quang-Diệu cùng học một trường. Giai-nhân, hiệp-sĩ tương-phùng, đồng-thanh đồng khí, văn sớm, bài trưa, ganh đua học-tập.

Rồi hai bên tơ lòng vấn-vít, niềm riêng tuy chưa ngỏ, nhưng sớm hôm vẫn trộm nhớ thầm yêu.

Một ngày kia, trong lúc học-đường còn vắng, chưa đến giờ khai giảng, Thiếu-Xuân tình cờ đến sớm, gặp ngay Quang-Diệu. Diệu bèn đánh bạo, ngỏ ý mơ tưởng bấy lâu

Xuân từ tạ mà rằng : « Phận gái thơ ngây, trên còn huyên đường, theo luân-lý, đâu dám tự tiện. Vậy chàng hãy cố làm cho công thành danh-toại, bây giờ sẽ tính đến cuộc tram nam ».

Từ đó nghĩa sâu thắm thía, tình sâu dồi dào.

Nhưng một hôm, tới học-đường nàng bỗng thấy vắng bóng chàng không hiểu vì đâu, rồi lòng riêng âm thầm mong nhớ.

Sau, nàng nhận được thư Quang Diệu cho hay tin buồn : « Đương khi đèn sách đua vui, có người nhà tới nơi đưa tin cha thụ bệnh, nên vội-vàng thu xếp ra về. Vì pháp-nghiêm, nên không tiện tới nơi từ-biệt. Về nhà thuốc thang hầu hạ thân sinh, hết lòng hôm sớm, nhưng than ôi ! nghiêm đường đã vội cưỡi hạc xa chơi ! Nay việc nhà phải gánh vác, không sao theo đuổi bút nghiên được nữa. Còn việc nhân duyên, xin đợi qua ba năm tang tóc, ba năm thấm thoát là đâu !»

Thiếu-Xuân xem xong thư khôn cầm giọt lệ.

Rồi từ đấy Thiếu-Xuân cũng xin nghỉ học, ở nhà phụng dưỡng mẹ già, trông nom vườn ruộng. Có khi đối cảnh trời mây man-mác, sườn non chim lác-đác bay, lại ngậm ngùi nhớ người xa, thấm-thoát trang thu đả mấy phen trôn, khuyết.

Một hôm êm trời, Thiếu-Xuân cùng em dạo gót thăm đồng, bỗng gặp một văn-nhân phong-nhã đoan-trang. Ấy là Đặng-trần-Quỳ tức Đặng Trần-Thường, người họ Trần làm con nuôi họ Đặng, một danh-sĩ đời Hậu-Lê.

Thấy người sắc nước hương trời, Đặng-Quỳ như ngây như ngất, mê mẩn tâm thần, bèn dò la tham hỏi, cậy bang-nhân đưa tiếng ướm duyên. Thân-mẫu Thiếu-Xuân từ tạ mà rằng : « Con trẻ còn thơ, ngu độn, nên chưa dám đính duyên ».

Đặng-Quỳ kiên chí đợi chờ, ngày đêm càng cham việc sách đèn. Gặp khoa hương Quỳ đi thi danh chiếm bảng hổ.

Vinh quy xa mã chật đường, gần xa nức tiếng. Rồi vâng mệnh Triều-đình Quỳ trọng nhậm phủ Từ-xơn tỉnh nhà (Bắc-ninh).

Đặng-Quỳ sắm sanh sinh lễ, cậy người tới hỏi Thiếu-Xuân làm vợ.

Được mẹ cho tùy ý định liệu, Thiếu-Xuân không vì hám vinh-hoa phú-quý mà sai lời nguyền xưa, nên nàng quả quyết từ hôn.

Từ đấy, Thiếu-Xuân vẫn cứ yên tâm chờ đợi Quang-Diệu. Nhà lan trưa sớm thảnh-thơi, đương vui vẻ, thì huyên già thụ bệnh rồi quy tiên, để lại hai con côi cút!

Đặng-Trần-Thường được tin, bèn xin cưới chạy tang. Cô, gì, chú, bác, nhà nàng cũng đều giốc một bề ép duyên con trẻ.

Thiếu-Xuân cố từ, lấy cớ rằng đầu đương tang tóc, lẽ nào lại nhận một việc trái đạo nhân-luân! Nếu các tôn-trưởng trong nhà không soi xét, thì đành một thác để theo mẹ về chốn cửu tuyền.

Chú cũng chiều lòng, không dám nài ép. Ma chay xong, chú cho đón cả hai chị em sang nhà, để đèn sách khuây sầu.

Ba năm qua, Đặng-trần-Thường lại xin kết tơ đào. Ông chú bèn định ngày vu quy và khuyên cháu rằng: « Nam nữ đạo thường, nhớn khôn ai cũng phải tính đường thất gia. Trước yên phận chị, sau còn phận em. Vả xem gia thế cũng xứng đáng, cháu cũng nên vâng nhời chú dậy »

Thiếu-Xuân không còn nhẽ gì từ hôn được, bèn trở về tư phòng ngẩn-ngơ nghĩ ngợi. Hết đứng tủi lại ngồi sầu, không nghĩ được kế gì cho qua bước khó khăn, đành liều mượn sợi dây oan nghiệt cheo thân ngọc bên rèm, để rứt mối phiền trong bể khổ!

Hay đâu sinh tử tại trời! May thay, giữa lúc ấy, người em bỗng đến gần phòng hương, vừa kịp cứu chị khỏi chết.

Chị bèn thổ lộ can tràng, kể hết ý định với em: Nay đã vì em mà phải đeo đẳng cái sống thừa, thì quyết phải tìm nơi ẩn-chú cho toàn danh-tiết.

Tới ngày cưới, cả nhà tấp nập vui vầy.

Thiếu-Xuân nỗi lòng đau đớn, bèn nhân lúc trăng tà, sương lạnh qua vườn hoa lần trốn, đem thân gửi chốn thiền môn.

Thế là tốn bao công phu, mất bao thời giờ chờ-đợi rút cục Đặng-Quỳ vẫn không lấy được Thiếu-Xuân, nên sinh thâm thù Trần-Quang Diệu. Rồi Đặng-Quỳ đi giúp vua Gia-long đánh Tây-sơn, làm đến chức Tán lý quân-vụ

***

Sau khi thân phụ Trần-quang-Diệu mất đi, thân mẫu vì thương cảm quá, sinh đau mắt rất nặng Diệu phải đưa đi tìm thuốc ở phương xa, chưa một tháng giời mới khỏi.

Lúc về, thuận gió xuôi thuyền, đang đi được may dám thì trời hôm mây ám, trăng tà, gặp mấy bọn cướp trên bờ nhảy xuống thuyền, vơ vét tiền nong hành lý, trói hai mẹ con, điệu về rừng, cùng giam một chỗ.

Khi bị giải đến tướng-dài, Diệu thấy hai bên quân lính hai hàng, cờ cao, súng nhớn, giáo dài, uy-nghiêm lẫm-liệt, giữa gian, đường-đường « ngự » một vị tướng-quân, khí-thế hiên ngang; ấy là Mạc-khúc-Quyền người tỉnh Đông, xưa cũng theo nghiệp bút nghiên, sau quyết chí vẫy vùng bốn phương, nên họp đảng làm việc chọc trời khuấy nước.

Khúc-Quyền thấy Quang Diệu ra vẻ văn-nhân tuân-tú, bèn ân-cần hỏi rõ nguyên-ủy, rồi lưu lại giúp việc binh-cơ.

Quang-Diệu miễn cưỡng ở lại trong quân. Thấm-thoát mấy phen trăng đã khuyết đầy, nghĩ đến cảnh tha phương cơ-lữ, đôi phen chan-chứa mối sầu! Quang Diệu rất được trọng-dụng, có khi quân kế hội mưu, đều được tham dự. Nhờ có mưu cao chước lạ của Quang Diệu, binh uy của Khúc-Quyền dần tăng gấp bội, biết bao phủ huyện bị phá, thành trì bị tan.

(Còn kỳ nữa)

(Thuật theo giả sử)

TRỊNH NHƯ CHẤT

Đã có bán

Văn hào Tolstoï

Khảo cứu của Ng. phi Hoanh
Tựa của Phan van Hùm
Giá 2$40

ĐÀN BÀ VÀ NHÀ VĂN

Khảo cứu của
KIỀU THANH QUẾ
Giá 1$20

Nhà xuất bản **TÂN-VIỆT**
9, LAMBLOT — Hanoi

Đã có bán:

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

512 trang. In đẹp
Bản thường: 5$00
Bản Gió Vân (hết)
Bản Impérial Đại La: 20$00
(còn một số ít)

Anh oa

69 hàng Than Hanoi

Đã xuất-bản

CHINH-PHỤ NGÂM

của thư-xã Alexandre de Rodes bản dịch Pháp-văn của Bùi-văn-Lăng

Cuốn sách thứ nhì trong một tùng-thư, có thể dùng trong ban trung-đẳng cổ-điển Viễn-đông. Theo cách trình-bày ở bộ KIM VÂN KIỀU của ông Nguyễn văn Vĩnh dịch Pháp-văn.

120 trang khổ 17 × 23, bìa hai màu, có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.

Bản giấy thường 1 $ 50 — cước 0$47
Bản giấy Đại La Impérial 5 $ 00 — 0$90
mua lĩnh hóa giao ngân, kèm thêm 0$30

Tổng phát-hành
MAI-LINH
21, Rue des Pipes, Hanoi

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng cổ điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn, vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00
Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer - HAIPHONG

Muốn hiểu triết-học
Muốn hiểu các thuyết triết học đông, tây
Muốn trở nên triết sĩ
CÁC BẠN HÃY ĐỌC

TRIẾT-HỌC ĐẠI-CƯƠNG

Quốc Học Thư-Xã
xuất-bản và phát hành

Giá mỗi cuốn 3$00
bản giấy vergé crème 10$00
bản giấy lệnh-chỉ 5$00
cước 1 cuốn 0$60 mua sách xin trả tiền trước đề

M. LÊ VĂN HÒE
16 bis TienTsin Hanoi

Sắp ra

KHỔNG TỬ HỌC-THUYẾT
Một bộ sách khác hẳn các sách nói về Khổng Giáo từ xưa tới nay, tựa của cụ Lại Bộ PHẠM QUỲNH

Tủ sách

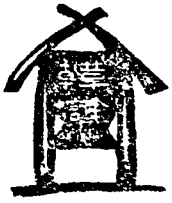

HAN THUYÊN

« TÂN VĂN HÓA »

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH
71, Tiên-Tsin — HANOI

25-9-43 có bán

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?
của NGHIÊM TẾ 2$50

ĐÃ XUẤT BẢN

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ
của BÁCH KHOA 1 $ 80

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI
của NG. Đ. QUỲNH 1 . 80

ÓC KHOA HỌC *của P. N. KHUÊ* 2 . 20

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ
của NG. Đ. QUỲNH 2 . 20

NGUỒN GỐC VĂN MINH
của BÁCH KHOA 2 . 20

THƯỢNG CỔ SỬ AI CẬP
của NG. ĐỨC QUỲNH 2$20

Mua 1 cuốn trả tiền trước kèm 0$10 cước.

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi